

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THAM VẤN NHÀ SẢN XUẤT,
NGƯỜI SỬ DỤNG, NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN THỐNG KÊ**

Thực hiện Quyết định số 1697/QĐ-TCTK ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc Ban hành kế hoạch tham vấn ý kiến về xây dựng Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2045 (CLPTTK21-30), Viện Khoa học Thống kê báo cáo như sau:

A. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ VÀ TỔ CHỨC THAM VẤN

1. Nội dung và đối tượng tham vấn

- Tham vấn đối tượng nhà sản xuất:
 - Phiếu số 01: Tham vấn nhà xuất thông tin thống kê: Lãnh đạo các đơn vị hành chính, sự nghiệp trực thuộc Tổng cục, 63 Cục trưởng Cục Thống kê: có 14 Câu hỏi với 73 ý hỏi, trong đó có 30 ý hỏi mở.
 - Phiếu số 02: tham vấn đối tượng quản lý nhà nước về thống kê và chuyên gia (63 Lãnh đạo UBND, 7 chuyên gia): Có 12 câu hỏi với 65 ý hỏi, trong đó có 22 ý hỏi mở.
 - Tham vấn nhà sản xuất tập trung vào 6 nội dung của Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030: (1) Hạn chế; (2) Tầm nhìn, giá trị cốt lõi (3) Đột phá; (4) Mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể; (5) Nhiệm vụ cụ thể; (6) Giải pháp cụ thể.
- Tham vấn đối tượng người sử dụng thông tin thống kê (Phiếu số 03):
 - Đối tượng người sử dụng thông tin thống kê gồm 5 nhóm: (1) Lãnh đạo cơ quan nhà nước; quản lý và hoạch định chính sách; (2) Giảng viên, sinh viên, các nhà nghiên cứu; (3) Tổ chức quốc tế có văn phòng đại diện tại Việt Nam; (4) Cơ quan thông tấn báo chí; (5) Doanh nghiệp và nhà đầu tư):
 - Nội dung: có 30 câu với 40 ý hỏi, trong đó có: 22 ý hỏi mở (2 câu hỏi mở). Tuy nhiên, để tránh phiền toái phiếu thiết kế cho phép một số câu không nhất thiết phải trả lời mà vẫn gửi được phiếu.

Nội dung tham vấn người sử dụng tập trung vào 12 nội dung sau:

- 1) Đối tượng dùng tin
- 2) Mục đích dùng tin
- 3) Thông tin thống kê thuộc lĩnh vực gì
- 4) Đánh giá các sản phẩm thông tin sử dụng
- 5) Đánh giá hình thức tiếp cận thông tin
- 6) Đánh giá chất lượng thông tin qua 6 tiêu chí (trong bộ tiêu chí chất lượng được Thủ tướng ban hành)
- 7) Niềm tin vào số liệu
- 8) Một số hạn chế

9) Tiêu chuẩn của bộ số liệu công bố

10) Dịch vụ cung cấp thông tin mong muốn

11) Mong muốn đổi mới

12) Kiến nghị giải pháp

- Tham vấn người cung cấp thông tin thống kê (Phiếu số 4)

- Đối tượng người cung cấp thông tin thống kê gồm 3 nhóm đối tượng: (1) Người dân/hộ gia đình; (2) Doanh nghiệp; (3) cơ quan nhà nước.

- Nội dung: có 14 câu hỏi, trong đó có 1 câu hỏi mở. Đối với đối tượng người cung cấp, nhằm hạn chế tối đa sự phiền toái, Phiếu được thiết kế theo các câu hỏi đóng, thuận tiện cho người trả lời, không mất nhiều thời gian.

Tham vấn người cung cấp tập trung vào 7 nội dung sau: (1) Đối tượng cung cấp thông tin; (2) Mức độ/tần suất cung cấp; (3) Đánh giá và lựa chọn hình thức cung cấp thông tin mong muốn; (4) Phiền toái gặp phải trong cung cấp thông tin; (5) Ý nghĩa của việc cung cấp thông tin; (6) Quyền và nghĩa vụ cung cấp thông tin (bảo mật); (8) Mong muốn đổi mới trong cung cấp thông tin.

2. Thời gian tham vấn: 01/12/2020 đến ngày 31/12/2020.

3. Mục đích tham vấn

- Đánh giá những hạn chế cơ bản của Thống kê Việt Nam.
- Xác định tầm nhìn, giá trị cốt lõi và đột phá chiến lược.
- Xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chiến lược.
- Sản xuất thông tin thống kê phù hợp với mục đích, yêu cầu của các đối tượng dùng tin; đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu dùng thông tin của lãnh đạo Đảng, nhà nước và người dân.
- Nâng cao chất lượng thông tin thu thập đầu vào; giảm thiểu tần suất, thời gian điều tra; giúp người cung cấp thông tin được thuận lợi hơn.

4. Hình thức tham vấn:

- Tham vấn nhà sản xuất: Lấy ý kiến tham vấn qua công văn, phiếu giấy: do thời gian thực hiện 2 phiếu này dài, nhiều câu hỏi mở, vì vậy không thực hiện tham vấn bằng hình thức trực tuyến.
- Tham vấn người sử dụng, người cung cấp thông tin: Tham vấn trực tuyến qua Google Survey.

5. Tình hình phát, thu phiếu tham vấn

- **Tham vấn nhà sản xuất** (Phiếu số 1): số phiếu gửi đi 143 phiếu, thu về được 84 phiếu, đạt 59%; tham vấn quản lý nhà nước về thống kê và chuyên gia (Phiếu số 2):

số phiếu gửi đi là 69 phiếu, thu về 22 phiếu, đạt 32%. Qua tổng hợp 84 phiếu số 1 và 22 phiếu số 2 thu được 120 trang dữ liệu thô.

- **Tham vấn người sử dụng** (Phiếu số 3): số phiếu phát ra 535, thu về 313 phiếu, đạt 58,5%. Qua tổng hợp kết quả 313 phiếu thu về 30 trang dữ liệu thô.

- **Tham vấn người cung cấp thông tin** (Phiếu số 4): Phiếu được gửi đến 756 người, thu về 511 phiếu, đạt 68%. Qua tổng hợp kết quả 511 phiếu thu về 19 trang dữ liệu thô.

Tuy số phiếu thu về chiếm tỷ lệ chưa cao so với phiếu phát ra, nhưng số phiếu thu về vẫn vượt kế hoạch đề ra (do mở rộng số lượng gửi phiếu theo kế hoạch). Kết quả ý kiến tham vấn thu về rất tốt, phản ánh người trả lời tham vấn có trách nhiệm với việc xây dựng chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030.

B. Báo cáo tóm tắt nội dung tham vấn

Báo cáo kết quả tham vấn người sản xuất, chuyên gia và quản lý nhà nước về thống kê; người sử dụng và người cung cấp thông tin thống kê được tổng hợp ngắn gọn, súc tích, kết quả được trình bày theo thứ tự các câu hỏi trong phiếu. Kết quả được tổng hợp cụ thể dưới đây:

I. KẾT QUẢ THAM VẤN NHÀ SẢN XUẤT THÔNG TIN THỐNG KÊ

1. Đánh giá hạn chế thống kê Việt Nam hiện nay

ST T	Hạn chế	Ý kiến	
		Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)
A	B	C	D
	Thể chế		
1	Năng lực thống kê bộ, ngành chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ	74	26
2	Năng lực thống kê các sở, ngành cấp tỉnh chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ	83	17
3	Năng lực thống kê cấp xã chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ	85	15
4	Cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin thống kê giữa các cơ quan sản xuất số liệu thống kê nhà nước chưa tốt	72	28
5	Chưa có Hội đồng Thống kê quốc gia (hay tổ chức tương tự)	68	32
6	Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư	56	44
	Tiêu chuẩn, quy trình, tư liệu hóa và chuyển đổi số trong các hoạt động thống kê		

ST T	Hạn chế	Ý kiến	
		Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)
A	B	C	D
7	Chưa xây dựng, ban hành và áp dụng một cách hệ thống các tiêu chuẩn thống kê ¹	62	38
8	Chưa xây dựng, ban hành và áp dụng các quy trình cấp chi tiết sản xuất thông tin thống kê cấp cao	71	29
9	Chưa ban hành quy trình sử dụng thông tin thống kê cho người dùng tin	72	28
10	Chưa thực hiện đầy đủ việc tư liệu hóa các hoạt động thống kê	86	14
11	Việc chuyển đổi số trong các hoạt động thống kê chưa được triển khai một cách hệ thống	86	14
	Phổ biến thông tin thống kê		
12	Chưa công bố, phổ biến kịp thời và đầy đủ các chỉ tiêu thống kê thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê	53	47
13	Cơ sở dữ liệu kinh tế xã hội quốc gia chưa được xây dựng	83	17
14	Cơ sở dữ liệu đặc tả (metadata) chưa đầy đủ	91	9
15	Phổ biến thông tin thống kê chưa tương xứng với nguồn dữ liệu sẵn có	77	23
	Nhân lực thống kê		
16	Năng lực của người làm thống kê chưa đáp ứng được yêu cầu	59	41
17	Chưa hình thành được đội ngũ chuyên gia thống kê ở một số lĩnh vực: thiết kế mẫu điều tra, tiêu chuẩn, quy trình, phân tích và dự báo,...	83	17
	Nguồn lực tài chính		
18	Kinh phí cho hoạt động thống kê chưa đủ	84	16
19	Trụ sở và trang thiết bị làm việc chưa đáp ứng được yêu cầu	55	45
20	Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng được yêu cầu	78	22

*** Ý kiến khác về hạn chế của Thống kê Việt Nam hiện nay:** Phiếu số 1 có 28 người; Phiếu số 2 có 9 người ghi thêm ý kiến khác, kết quả cụ thể:

¹ Tiêu chuẩn thống kê: Tiêu chuẩn về khái niệm chỉ tiêu, biến, trường dữ liệu...; Tiêu chuẩn về phân loại thống kê;

Tiêu chuẩn về phương pháp và quy trình sản xuất thông tin thống kê.

- Thẻ chế: Luật Thống kê chưa đi vào cuộc sống; thực hiện luật thống kê, các văn bản dưới luật về thống kê chưa được thực hiện nghiêm; chế tài xử lý chưa đủ mạnh; các văn bản hướng dẫn sử dụng kinh phí điều tra còn chậm, bất cập.

- Đội ngũ điều tra viên: chưa chuyên nghiệp hay thay đổi; kinh phí đi lại cho điều tra viên ở miền núi thấp; định mức công điều tra viên theo lương tối thiểu chưa hợp lý.

- Người dùng tin: chưa nắm rõ về kiến thức thống kê nên hạn chế trong sử dụng, cần tăng cường tuyên truyền, bồi dưỡng.

- Đội ngũ công chức, viên chức: Công tác phân tích, dự báo còn yếu; chưa khai thác tốt các kết quả điều tra, gây lãng phí tài nguyên dữ liệu; công chức thống kê cấp huyện chưa chuyên sâu, chủ yếu tập trung điều tra; công chức thống kê sở ban ngành không ổn định, thay đổi hoặc không chuyên trách; công chức cấp xã còn hạn chế, kiêm nhiệm công tác văn phòng là chính.

- Quy trình, tiêu chuẩn, tư liệu hóa, phương pháp luận, số hóa còn hạn chế, chưa hiện đại như các nước phát triển.

- Người cung cấp thông tin: nhận thức còn hạn chế, chưa có kinh phí nên đôi lúc thông tin chưa chính xác.

- Dịch vụ thống kê chưa thống nhất.

- Chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương chưa đồng bộ, đầy đủ

- Biên chế ngày càng giảm, khối lượng ngày càng tăng

- Cần có kinh phí dành cho công tác theo dõi đánh giá chiến lược hàng năm.

- Thông tin Thống kê: Thông tin thống kê cấp huyện chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý cấp huyện; cần lấy ý kiến chính quyền các cấp về hệ thống chỉ tiêu của cấp đó; nhiều hoạt động còn chậm nhất là một số chỉ tiêu thống kê trong hệ thống chỉ tiêu quốc gia chưa thu thập, công bố.

- Cơ sở vật chất: cơ sở vật chất chi cục chưa đồng bộ; một số trụ sở chi cục xuống cấp chưa được quan tâm kịp thời; hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ.

- Câu hỏi nên đưa ra thang điểm.

2. Ý kiến những hạn chế tại các đơn vị phụ trách: có 69 ý kiến được rà soát và loại bỏ những hạn chế đã trùng ở trên, cụ thể dưới đây:

• **Công tác nghiệp vụ thống kê**

- Lĩnh vực nông nghiệp: Chưa có phương pháp hướng dẫn suy rộng kết quả một số cuộc điều tra đến cấp huyện (Phương án chỉ suy rộng đến cấp tỉnh); giá trị sản xuất tính theo bảng giá so sánh (giá so sánh 2010) không phản ánh giá trị của những sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao.

- Các cuộc điều tra mẫu hàng tháng, quý năm đối với lĩnh vực Thống kê Kinh tế độ tin cậy chưa cao (số mẫu ít, không đại diện cho cấp huyện, chỉ đại diện cho cấp tỉnh);

- Cần nghiên cứu sâu hơn về thiết kế mẫu, tính quyền số, suy rộng, suy rộng kết quả điều tra, đánh giá sai số và ước lượng mẫu.

- Thông tin thống kê kinh tế - xã hội chưa đồng bộ với các chuyên ngành ở trung ương (TCTK), phổ biến cung cấp thông tin cho địa phương còn chậm so với yêu cầu của Lãnh đạo Đảng, chính quyền địa phương.

- Lĩnh vực Tài khoản quốc gia: Phương pháp biên soạn GRDP chưa minh bạch; chưa ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình biên soạn (phần mềm biên soạn GRDP); công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn phương pháp biên soạn GRDP không được thực hiện thường xuyên, liên tục.

- Nhiều chỉ tiêu thống kê xã hội, môi trường quan trọng chưa được biên soạn và phổ biến.

- Khai thác dữ liệu hành chính: khai thác nguồn thông tin từ các hồ sơ hành chính còn hạn chế; chưa có cơ chế phối hợp, kết nối, khai thác dữ liệu hành chính, đặc biệt từ các ngành: thuế, hải quan, tài chính, ngân hàng; Cơ sở dữ liệu kinh tế xã hội chưa được xây dựng.

- Tính ổn định yêu cầu báo cáo không cao.

- Hệ thống báo cáo thường xuyên phải sửa đổi, nâng cấp đôi khi xảy ra lỗi hệ thống, tốc độ xử lý chậm.

- Áp dụng lý thuyết thống kê vào các cuộc điều tra thống kê chưa được tận dụng tối đa.

- Việc thu thập thông tin khu vực chưa quan sát gặp khó khăn.

- Hình thức phổ biến thông tin thống kê mới dừng ở các phương pháp truyền thống.

- Còn bị ảnh hưởng và ràng buộc, chưa thực sự khách quan và minh bạch trong công tác công bố đối với thông tin thống kê; Số liệu thống kê chịu áp lực từ các chỉ tiêu đại hội Đảng các cấp.

- **Nhóm tình hình công tác thống kê bộ ngành:**

- Một số chỉ tiêu thống kê của Bộ/ngành phụ trách phục vụ biên soạn báo cáo tháng, niên giám thống kê và các ấn phẩm khác còn chậm và không thống nhất nhau, gây ảnh hưởng đến tiến độ biên soạn và công bố theo lịch Phổ biến thông tin thống kê;

- Do một số đơn vị báo cáo cho NHNN đôi khi chưa chính xác, phải gửi lại báo cáo dẫn đến một số thông tin phải công bố, cung cấp, cập nhật nhiều lần.

- Hệ thống chỉ tiêu của 1 số bộ, ngành còn chưa đồng nhất về biểu mẫu báo cáo và thời kỳ thu thập thông tin.

- Công tác thống kê KH&CN là một công việc khó khăn cả về việc tổ chức thực hiện, bố trí nhân lực và các điều kiện tài chính, cơ sở vật chất, kỹ thuật. Ngân sách dành cho hoạt động thống kê KH&CN còn hạn chế, đặc biệt là ở các địa phương. Định mức chi và khoản chi để thu thập các chỉ tiêu trong hệ thống chỉ tiêu thống kê cũng chưa được đưa vào áp dụng một cách toàn diện. Bên cạnh đó điều kiện về nhân sự đối với công tác thống kê KH&CN tại các địa phương có nhiều biến động, nhất là về chuyên

môn thống kê, chưa đáp ứng được yêu cầu chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ làm công tác thống kê của Ngành.

- Cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin thống kê giữa các cơ quan sản xuất số liệu thống kê nhà nước chưa tốt; Nhận thức về trách nhiệm của người cung cấp thông tin thống kê còn hạn chế nên ảnh hưởng đến chất lượng nguồn thông tin thống kê đầu vào nên việc lập dãy tài khoản trong hệ thống Tài khoản quốc gia còn gặp nhiều khó khăn; chưa tính được đầy đủ các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu quốc gia được phân công.

- Sự phối hợp, phân công trách nhiệm giữa Cục Thống kê với các sở, ban, ngành còn chưa nhịp nhàng; chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành của Bộ, ngành Trung ương cho các sở, ngành tại địa phương chưa đồng bộ, các chỉ tiêu và thời gian còn khác với Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh. Một số sở, ban, ngành chưa quan tâm đúng mức đến công tác thống kê nói chung, các hoạt động của Chiến lược phát triển Thống kê nói riêng.

- **Về tổ chức:**

- Mô hình tổ chức chưa ổn định; việc sáp nhập theo chức năng của các chi cục thống kê khu vực khi đánh giá tình hình kinh tế - xã hội cho 2 huyện trở lên có nhiều bất cập, nhất là trong công tác chỉ đạo.

- **Nguồn nhân lực:**

- Thiếu nguồn nhân lực đặc biệt chất lượng cao thống kê thời công nghệ

- **Công tác thanh tra, kiểm tra:**

- Đội ngũ công chức thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành thống kê, kiểm tra chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu; một số nơi, thủ trưởng đơn vị chưa coi trọng công tác thanh tra, kiểm tra.

- **Hợp tác quốc tế:** Hỗ trợ các đơn vị chưa nhiều trong nghiên cứu, áp dụng các phương pháp luận quốc tế, một phần do không đủ nhân lực, nhưng một phần khác các đơn vị trong Tổng cục chưa kết nối với Vụ TKNN và HTQT trong quá trình triển khai, dẫn đến chưa tối đa hóa được thế mạnh của từng đơn vị; Nguồn tài trợ cho các hoạt động thống kê ngày càng cắt giảm khi Việt Nam trở thành nước có thu nhập trung bình thấp. Đồng thời, các tổ chức quốc tế, đối tác phát triển thay đổi phương thức hỗ trợ cho TKVN, chuyển từ hỗ trợ tài chính sang hỗ trợ kỹ thuật, đòi hỏi các đơn vị trong Tổng cục phải thích nghi với phương thức tài trợ mới này. Các đơn vị tại Tổng cục chưa nhận thức được hỗ trợ của Dự án chính là phục vụ cho nhiệm vụ chính trị của đơn vị mình.

- **Nội dung khác:**

- Xã hội chưa hình thành đơn vị/doanh nghiệp, cá nhân ngoài Nhà nước chuyên nghiệp làm thống kê (sản xuất thông tin thống kê).

- Thiếu kinh phí cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến thông tin thống kê

3. Ý kiến về “điểm nghẽn” làm cản trở sự phát triển của thống kê:

1. Đối với thống kê Việt Nam:

Có 89 ý kiến (trong đó: Phiếu 1 có 68 ý kiến trả lời; Phiếu 2 có 21 ý kiến trả lời về điểm nghẽn của Thống kê Việt Nam). Qua rà soát, sắp xếp các ý kiến tập trung theo nhóm như sau:

- **Về mặt thể chế:** Tổng cục thống kê nên là một ngành độc lập; ngành Thống kê phải là đơn vị độc lập, khách quan về nhiệm vụ công tác trong quá trình tổng hợp, xử lý và công bố thông tin thống kê; Mặc dù thể chế, khuôn khổ pháp lý đã được triển khai rộng rãi, tuy nhiên pháp chế Thống kê chưa thực sự đi sâu vào xã hội cả về hình thức và nội dung tuyên truyền, phổ biến, dẫn đến việc triển khai các hoạt động thống kê gặp rất nhiều khó khăn, làm cản trở đến sự phát triển của thống kê Việt Nam; Thực tế đang có tình trạng số liệu thống kê vênh nhau giữa các cơ quan với nhau, giữa số liệu và tình hình thực tế. Có một số lo ngại về tính chuyên nghiệp và độc lập liên quan đến sự can thiệp chính trị có thể đến các số liệu thống kê, đặc biệt là ở cấp tỉnh. Việc chuyển Tổng cục Thống kê vào Bộ KH&ĐT cũng đặt ra khả năng giảm tính độc lập, khách quan. Tuy nhiên đó chỉ là những thách thức đối với Thống kê Việt Nam trong xu thế toàn cầu hóa ngày nay; Chưa hoàn thiện thể chế, khuôn khổ pháp lý và cơ chế điều phối các hoạt động thống kê. Chưa chuẩn hóa các quy trình thống kê theo chuẩn mực quốc tế; Khuôn khổ hành lang pháp lý, cơ chế phối hợp, chia sẻ kết nối thông tin thống kê quốc gia chưa tập trung, thống nhất.

- **Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam:** Các hành động để thực hiện kế hoạch của Chiến lược bị ngắt quãng, không liên tục; Chiến lược phát triển Thống kê chưa được các cấp quan tâm và được phối hợp từ Trung ương đến địa phương giữa các Bộ, ban ngành và địa phương; Kinh phí để thực hiện các hoạt động của Chiến lược phát triển thống kê chưa được bố trí theo tiến độ công việc hàng năm.

- **Công tác tổ chức, nhân lực thống kê:** Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa được nâng cao; Nguồn nhân lực chưa đáp ứng được với yêu cầu của hoạt động thống kê trong thời kỳ mới về tính nhạy bén và trình độ ngoại ngữ; Chưa có tiêu chí cụ thể, minh bạch, rõ ràng về xếp hạng năng lực các đơn vị, tổ chức thống kê nhà nước; Công tác thi tuyển, xét tuyển hiện nay gặp nhiều khó khăn, bất cập, chưa tuyển chọn được nguồn nhân lực có năng lực thực sự; Sự thay đổi về cơ cấu tổ chức chưa phù hợp với chức năng quản lý nhà nước ở 4 cấp.

- **Công tác phương pháp, tiêu chuẩn, quy trình sản xuất thống kê:** Công tác phương pháp chế độ thống kê chưa được đầu tư, củng cố đúng với tầm quan trọng của nó; Kiểm soát số liệu đầu ra Thống nhất, đồng bộ chưa cao; Tập trung quản lý và tính toán chỉ tiêu thống kê quốc gia; Chưa xác định các chỉ số, phương pháp tính đóng góp của kinh tế số; Dữ liệu thống kê phân tích chưa chi tiết, chưa đầy đủ phân tổ; Tính kịp thời của số liệu thống kê, kết quả của nhiều cuộc điều tra chưa sớm được công bố kết quả. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động Thống kê chưa đáp ứng được yêu cầu về sản xuất thông tin thống kê; Phần lớn thông tin thống kê có được từ điều tra trực

tiếp (phỏng vấn) do trình độ nhận thức nhiều đối tượng cung cấp thông tin khai báo không trung thực. Một số cuộc điều tra thông tin hồi tưởng dài (12 tháng qua) dẫn đến đối tượng trả lời không nhớ; Chất lượng nguồn thông tin thống kê đầu chưa cao; Phương án điều tra khối xã hội có cỡ mẫu nhỏ, không đủ điều kiện suy rộng đến cấp huyện, xã nên số liệu công bố tình hình kinh tế - xã hội cấp huyện, xã rất ít; Chưa quản lý được chất lượng số liệu thống kê.

- Phương pháp tính toán còn dựa vào giá so sánh thay vì dùng cách tính theo chỉ số giá để có thể thấy mức độ chuyển dịch nội bộ ngành, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp hiện đang thực hiện tái cơ cấu ngành, chuyển từ cây trồng giá trị thấp sang giá trị kinh tế cao (phương pháp tính theo giá so sánh không thể hiện được mức độ chuyển dịch này).

- Công tác thống kê phục vụ địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu của tỉnh, do một số chỉ tiêu tỉnh rất cần nhưng Cục Thống kê không cung cấp được do thiếu nguồn thông tin (các chỉ tiêu này phải chờ Tổng cục Thống kê công bố) như giá trị sản xuất của các ngành, các chỉ tiêu thống kê về lao động việc làm, tỷ lệ thất nghiệp, chỉ tiêu Năng suất lao động theo các nhân tố tổng hợp TFP...); hoặc có nhưng thời gian công bố không kịp thời như tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP.

- Chế độ báo cáo thống kê của các Bộ, ngành chưa thực sự đồng nhất giữa Trung ương và địa phương nên công tác tổng hợp báo cáo thống kê còn có những khó khăn nhất định.

- **Chất lượng số liệu thống kê**

- Thực tế đang có tình trạng số liệu thống kê vênh nhau giữa các cơ quan, giữa số liệu và thực tế. Có một số lo ngại về tính chuyên nghiệp và tính độc lập liên quan đến sự can thiệp chính trị có thể đến các số liệu thống kê, đặc biệt ở cấp tỉnh. Việc chuyển Tổng cục Thống kê vào Bộ Kế hoạch và đầu tư cũng đặt ra khả năng giảm tính độc lập, khách quan. Tuy nhiên, đó chỉ là những thách thức đối với Thống kê Việt Nam trong xu thế toàn cầu hóa ngày nay

- Kết quả thống kê chưa thực sự phản ánh đúng thực trạng khách quan của nền kinh tế và các vấn đề xã hội

- Số liệu công bố của Thống kê chưa kịp thời làm ảnh hưởng tới việc hoạch định cũng như các chính sách của địa phương. Sự thay đổi số liệu thống kê giữa các kỳ công bố làm ảnh hưởng đến người dùng tin.

- Chất lượng thông tin chưa được đánh giá cao bởi người dùng

- **Một số điểm nghẽn khác:**

- Việc áp dụng, chuyển đổi số trong các hoạt động Thống kê Việt nam chưa được triển khai hệ thống.

- Cần xã hội hóa công tác thống kê, huy động nhiều nguồn lực xã hội để phát triển thống kê Việt nam.

- Chi phí sản xuất các dữ liệu thống kê thi đang quá cao.
- Dữ liệu vi mô cho người sử dụng thông tin còn hạn chế.
- Việc đảm bảo yêu cầu thông tin cấp ủy chính quyền ở cấp huyện còn hạn chế
- Tỷ lệ người sử dụng thông tin thống kê hài lòng chưa cao.
- Khả năng hội nhập với thống kê quốc tế chưa cao
- Công tác phối hợp nội bộ: Công tác triển khai chưa kịp thời; một số Vụ chuyên ngành còn né tránh trong việc hướng dẫn nghiệp vụ cho các Cục Thống kê đối với những công việc chưa rõ ràng, chưa thống nhất...; Sự phối hợp giữa Vụ kế hoạch tài chính với các Vụ nghiệp vụ chưa chặt chẽ; Phối hợp giữa các đơn vị chưa chặt chẽ.

3.1. Điểm nghẽn tại đơn vị phụ trách: Có 61 ý kiến được rà soát và sắp xếp như sau:

- Việc thu thập thông tin thống kê ở các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, nhất là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ hoặc các doanh nghiệp đăng ký kinh doanh một nơi nhưng hoạt động kinh doanh ở chỗ khác; cùng với đó các đối tượng cung cấp thông tin (nhất là các doanh nghiệp) thiếu trung thực, chưa kịp thời, điều này làm ảnh hưởng đến chất lượng điều tra thống kê.

- Nhận thức của lãnh đạo các cấp về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác thống kê chưa toàn diện, đầy đủ.

- Chưa đổi mới, hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động thu thập thông tin thống kê; chất lượng hoạt động xử lý, tổng hợp và phổ biến thông tin thống kê.

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác biên soạn GRDP còn nhiều hạn chế; chưa cập nhật kịp thời phương pháp suy rộng, tính toán cho sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao để phản ánh đúng giá trị sản phẩm.

- Chưa bố trí đủ nguồn lực để biên soạn những chỉ tiêu trong lĩnh vực xã hội môi trường; Nhiều chỉ tiêu thống kê xã hội, môi trường đã được biên soạn chưa đáp ứng yêu cầu dùng tin của xã hội.

- Công tác thống kê KH&CN gặp khó khăn cả về nhân lực và các điều kiện tài chính. Tiếp theo là các tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước hoạt động KH&CN và các tổ chức có hoạt động nghiên cứu và phát triển còn chưa có ý thức thực hiện nghiêm túc các quy định về chế độ báo cáo thống kê và điều tra thống kê KH&CN.

- Việc triển khai một số công việc thuộc thẩm quyền của Trung ương theo luật còn chậm, công tác hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các văn bản của Trung ương còn chậm.

- Nguồn nhân lực vẫn là điểm nghẽn lớn nhất: Hiện nay nguồn nhân lực còn hạn chế trong toàn ngành thống kê trên các góc độ cả về số lượng, cơ cấu và năng lực gồm cả nghiệp vụ thống kê, ngoại ngữ và tin học. Cán bộ thống kê tại cơ sở còn rất thiếu và yếu kém về nghiệp vụ thống kê, lại phải kiêm nhiệm những công việc khác; nguồn nhân lực thống kê Tài khoản quốc gia còn yếu.

- Vai trò của công tác thanh tra, kiểm tra chưa được một bộ phận quản lý lãnh đạo coi trọng.

- Kết quả điều tra thống kê ở 1 số chỉ tiêu có chênh lệch khá lớn với dữ liệu hồ sơ hành chính; những nguyên nhân lý giải do khác nhau về nội dung, phạm vi, phương pháp tính không thể giải thích hết được.

4. Mong muốn thống kê Việt Nam đến 2045 phát triển như thế nào:

4.1. Đối với thống kê Việt Nam:

Có 91 ý kiến, trong đó Phiếu 1 có 70 ý kiến; Phiếu 2 có 21 ý kiến.

Nhóm mong muốn Thống kê Việt Nam phát triển:

- Thống kê Việt Nam hội nhập và phát triển.
- Đến 2045 Thống kê Việt nam trở thành ngành thống kê hiện đại. Công tác sản xuất thông tin thống kê đáp ứng yêu cầu dùng tin của Đảng, nhà nước trong công tác lãnh đạo điều hành kinh tế-xã hội. Công tác quản lý nhà nước về thống kê phát triển hài hòa với công tác sản xuất thông tin thống kê.
- Thống kê Việt Nam được đổi mới, hoàn thiện theo hướng hiện đại trong tất cả các quy trình của hoạt động Thống kê. Nhân lực thống kê được nâng cao trình độ về chuyên môn, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để có thể thực hiện tốt nhiệm vụ, bắt kịp với trình độ nhân lực thống kê các nước trong khu vực và thế giới.
- Thống kê Việt Nam phát triển hiện đại, đội ngũ làm thống kê có trình độ chuyên môn cao, xếp hạng thống kê Việt Nam dẫn đầu các nước trong khu vực Châu Á.
- Hệ thống thống kê VN phát triển đồng bộ, thống nhất, đạt chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu thông tin Chính phủ, các tổ chức trong và ngoài nước.
- Hiện đại – Khoa học đáp ứng mọi chỉ tiêu kinh tế - xã hội mà các cấp, các ngành cũng như các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước yêu cầu; đảm bảo sự tin cậy, chính xác, chi tiết từng ngành, lĩnh vực, thông tin thống kê được tiếp cận nhanh và dễ dàng.
- Đổi mới, hoàn thiện công tác thống kê theo hướng hiện đại, chất lượng và hiệu quả của cả hệ thống thống kê tập trung, thống kê bộ ngành, thống kê sở ngành cấp tỉnh và thống kê cấp xã, phường, thị trấn.
- Là ngành hiện đại, thực sự là cơ quan quản lý đặc lực của chính phủ.
- Áp dụng đồng bộ phương pháp thống kê tiên tiến và triệt để sử dụng công nghệ thông tin; nâng cao chất lượng đội ngũ công chức làm công tác thống kê để nâng cao chất lượng thông tin cung cấp.
- Thống kê Việt Nam đổi mới, phát triển nhanh, bền vững theo hướng hiện đại để đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng thông tin ngày càng tăng của xã hội.

Nhóm mong muốn nâng cao vị thế, vị trí Thống kê Việt Nam

- Thống kê Việt Nam theo xu hướng hiện đại, thể hiện được vị thế trong khu vực, thế giới và cốt lõi là tạo được niềm tin đối với người sử dụng thông tin thống kê (2).
- Thống kê Việt Nam phải phát triển đứng đầu Khu vực Đông Nam Á (3)
- Thống kê Việt Nam trở thành tổ chức thống kê hiện đại; Vị trí vai trò Thống kê được nâng cao vào năm 2045.
- Khẳng định được tầm ảnh hưởng trong nước, có vị thế trong ASIAN và thế giới.
- Thống kê Việt Nam phát triển nhanh, bền vững và đạt đến trình độ tiên tiến trong khu vực.
- Đạt mức phát triển tương đương các nước tiên tiến trên thế giới
- Nâng cao chất lượng ngành Thống kê Việt Nam ngang tầm với Thống kê Khu vực và trên thế giới.
- Đến năm 2045 Thống kê Việt Nam là tổ chức thống kê hiện đại, đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.
- Tăng thứ bậc xếp hạng trong thống kê khu vực ASEAN
- Vươn tầm khu vực Đông Nam Á, vươn đến tầm Châu Á và thế giới
- Phát triển ngang tầm với các nước tiên tiến của thế giới
- Thống kê Việt Nam phát triển nhanh, bền vững và đạt đến trình độ tiên tiến trong khu vực.
- Ngang tầm với thống kê các nước trong khối ASEAN; hướng đến ngang tầm với các nước phát triển trên thế giới vào năm 2045.
- Phát triển thống kê Việt Nam theo hướng Thống kê hiện đại phù hợp với xu hướng phát triển của Thống kê khu vực và thế giới.
- Đạt chuẩn quốc tế trên tất cả các lĩnh vực.
- Tiệm cận trình độ thống kê các nước tiên tiến trên thế giới. Thống nhất về hệ thống chỉ tiêu thống kê, phương pháp tính với thống kê các nước tiên tiến.

Nhóm mong muốn về Công nghệ thông tin (CNTT):

- Phát triển thống kê theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin vào mọi lĩnh vực; khai thác hồ sơ hành chính ở tất cả các cấp, các ngành.
- Ứng dụng CNTT, phương pháp thống kê tiên tiến trong tất cả các công đoạn của quy trình sản xuất thông tin thống kê.
- Phát triển Thống kê Việt Nam theo hướng ứng dụng CNTT vào mọi lĩnh vực. kết nối khai thác thông tin với các cấp, các ngành trong cả nước.
- Quản lý quy trình sản xuất thống kê bằng CNTT.
- Thu thập thông tin theo hướng ứng dụng công nghệ số, tổng hợp và quản lý số liệu vi mô thống nhất, công khai, minh bạch giữa trung ương và địa phương.
- Phát triển nhanh, ứng dụng thành tựu tiên tiến về CNTT đạt được vai trò, vị thế cao của thống kê trong xã hội, phấn đấu đến năm 2030, trình độ tiên tiến trong khu vực, năm 2045 đạt trình độ tiên tiến thuộc top đầu thế giới

- Ứng dụng mạnh mẽ CNTT trong công tác thống kê, người dùng tin có thể tiếp cận rộng rãi đối với các số liệu thống kê chính thống qua cổng thông tin của Ngành theo nhu cầu.

- Thống kê ngày càng phát triển và phù hợp với thời đại Công nghiệp 4.0
- Phát triển số hóa và dùng trí tuệ nhân tạo cho phân tích, đáp ứng nhu cầu của các thể chế kinh tế.

Mong muốn khác:

- Bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu quả; nguồn nhân lực có chất lượng cao; hội nhập và áp dụng các phương pháp thống kê tiên tiến của thế giới

- Thông tin thống kê được người dùng tin trong nước và quốc tế tin tưởng, sử dụng và đánh giá cao.

- Nâng cao năng lực thống kê Việt Nam. Tăng cường cơ chế phối hợp, trao đổi và chia sẻ thông tin giữa các Bộ ngành và Tổng cục Thống kê, tạo lập hệ thống thông tin quốc gia tập trung, thống nhất, thông suốt và hiệu quả.

- Nâng cao niềm tin của người sử dụng số liệu thống kê.
- Mang tính độc lập, khách quan về thông tin thống kê về cơ chế và quản lý nhà nước
- Quản lý được thông tin về thu thập, chi tiêu của dân cư qua hệ thống tài khoản ngân hàng để đánh giá thu thập, chi tiêu của Hộ gia đình tin cậy hơn.

- Hoàn thiện được hành lang pháp lý có thể xử lý kịp thời những trường hợp không chấp hành tốt chế độ báo cáo thống kê và điều tra thống kê, có thể xử phạt một số trường hợp mà không phải lập biên bản vi phạm hành chính.

- Xây dựng được quy trình triển khai thực hiện điều tra thống kê chi tiết, cụ thể.
- 100% nhu cầu sử dụng thông tin thống kê được đánh giá có chất lượng
- Trung thực, đổi mới sáng tạo, đáng tin cậy, chuyên nghiệp, thích ứng, minh bạch.
- Nâng cao hơn nữa chất lượng thông tin thống kê và một lúc nào đó để mọi người coi thông tin thống kê là một sản phẩm hàng hóa đặc biệt, không thể thiếu trong công tác hoạch định các chính sách của các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp

- Thống kê Việt Nam và các sản phẩm thống kê chất lượng cao được người sử dụng dùng phổ biến rộng rãi, tra cứu trên website có bộ dữ liệu, các chỉ tiêu đáp ứng đủ nhu cầu dùng tin trên mọi phương diện trong cả nước.

- Có đội ngũ công chức có thể tham gia vào hoạt động của cộng đồng thống kê quốc tế; có một đội ngũ chuyên gia mạnh trên các lĩnh vực thống kê để có thể cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các quốc gia trong khu vực châu Á nói chung và ASEAN nói riêng.

- Đề nghị xem xét lại tầm nhìn ""Thống kê Việt Nam trở thành tổ chức hiện đại vào năm 2045"" do ""thống kê Việt Nam"" là một ngành, **không phải là một tổ chức**

- Cơ bản nhất trí với các giá trị cốt lõi của thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030. Ngoài ra, đề nghị làm rõ hơn nội hàm giá trị "" thích ứng"" và cân nhắc việc đưa thêm một số giá trị như: Khách quan, bao trùm, hội nhập, hướng tới người sử dụng.

- Tìm hiểu làm rõ nội dung, phương pháp tính một số khái niệm mới, tham mưu cho địa phương trong xây dựng chính sách như: Kinh tế xanh; Kinh tế số; Công nghiệp công nghệ cao.

- Thực hiện đồng bộ hóa, chuẩn hóa các quy trình sản xuất thông tin thống kê ở tất cả các khâu từ thu thập, xử lý, tổng hợp phân tích và dự báo thống kê.

4.2. Đối với lĩnh vực phụ trách: Có 63 ý kiến

- Phát triển thống kê theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin vào mọi lĩnh vực; khai thác hồ sơ hành chính ở tất cả các cấp, các ngành.

- Thông tin thống kê được người dùng tin trong nước và quốc tế tin tưởng, sử dụng và đánh giá cao.

- Thu thập thông tin theo hướng ứng dụng công nghệ số, tổng hợp và quản lý số liệu vi mô thống nhất, công khai, minh bạch giữa trung ương và địa phương công nghệ thông tin phát triển mạnh, rộng khắp ở các cấp, các ngành và ở các khâu của quy trình sản xuất thông tin thống kê. Ngành thống kê là ngành có thu nhập cao, có nhiều chuyên gia giỏi.

5. Bức tranh tổng thể về thống kê Việt Nam đến 2045:

5.1. Bức tranh tổng thể đối với thống kê Việt Nam: Có 82 ý kiến, trong đó Phiếu 1: 62 ý kiến; Phiếu 2: 19 ý kiến. Sau khi rà soát, sắp xếp lại như sau:

- Xây dựng cơ sở dữ liệu đầu vào thống nhất kết nối với tất cả các cấp, các ngành.
- Hoạt động thống kê đảm bảo đúng nghĩa độc lập, khách quan, khoa học và chuyên nghiệp

- Hoàn thiện phương pháp, cách thức thu thập, tổng hợp, tính toán và công bố số liệu thống kê; Áp dụng triệt để công nghệ thông tin vào toàn bộ quy trình sản xuất thông tin thống kê cấp cao.

- Thống kê Việt nam có vị trí tốt hơn trong xếp hạng của các tổ chức Thống kê trên thế giới.

- Vị trí xã hội của thống kê Việt Nam tăng lên.

- Sự phát triển của Thống kê Việt Nam cần gắn với chất lượng của số liệu thống kê, đảm bảo trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời như Luật Thống kê đã quy định. Hiện đại hóa thống kê Việt Nam để đáp ứng nhu cầu phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, và những người dùng tin.

- Xếp hạng top 3 – các nước ASEAN về năng lực, chất lượng thống kê

- Thống kê Việt Nam trở thành tổ chức thống kê hiện đại; hội nhập sâu, rộng với thống kê trong khu vực và thế giới; vị thế ngành thống kê được nâng cao.

- Thống kê Việt Nam hiện đại và phát triển. Cơ bản đáp ứng được nhu cầu sử dụng thông tin trong nước và đảm bảo so sánh quốc tế. Vị thế Ngành Thống kê ngày càng được khẳng định

- Hiện đại về công nghệ, bộ máy tinh gọn, làm việc hiệu quả. Số liệu Thống kê đa dạng, chi tiết, chính xác, kịp thời, phổ biến rộng rãi, tiếp cận dễ dàng.

- Một tổ chức chuyên nghiệp, hiện đại và ngang tầm quốc tế, đứng đầu trong khu vực và châu lục; có vị thế trong xã hội.
- Hình thành CSDL đầu vào thống nhất, xuyên suốt kết nối với tất cả các cấp, các ngành, các doanh nghiệp
- Đối với thống kê Việt Nam: Đến 2045 thống kê Việt Nam là tổ chức thống kê hiện đại, cung cấp thông tin thống kê đạt chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Thuộc TOP 30 về mức độ hiện đại và sẵn sàng phục vụ - trong xếp hạng về thống kê giữa các quốc gia.
- Đảm bảo phân tích, dự báo mô hình phát triển một cách tự động
- Thống kê Việt Nam hiện đại, tiện ích, phổ quát, các chỉ số đánh giá đứng thứ 2 các nước ASEAN và đứng trước thứ 10 thế giới
- Thống kê Việt Nam đổi mới, hiện đại, trung thực và chuyên nghiệp, minh bạch, đột phá về công nghệ.
- Đối với thống kê Việt Nam: Đến 2045 thống kê Việt Nam là tổ chức thống kê hiện đại, cung cấp thông tin thống kê đạt chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Đến năm 2015, thống kê Việt Nam phải đồng bộ trên tất cả lĩnh vực, là hệ thống cơ sở dữ liệu chia sẻ, dùng chung cho tất cả các tổ chức, cá nhân; là cơ sở đáng tin cậy trong công tác hoạch định các chính sách, chiến lược phát triển đúng đắn
- Độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ; ứng dụng 100% công nghệ thông tin vào quy trình sản xuất thông tin thống kê, từ thu nhập thông tin đến bước lưu trữ thống kê.
- Bức tranh tổng thể về thống kê Việt Nam đến 2045 phải thể hiện đầy đủ bức tranh kinh tế-xã hội cả nước và từng địa phương
- Độc lập về tổ chức bộ máy (không đặt trong các Bộ chủ quản)

5.2. Đối với lĩnh vực phụ trách: có 49 ý kiến

- Người làm công tác thống kê phải năng động, sáng tạo, trung thực, khách quan.
- Hoạt động thu thập dữ liệu, xử lý, phổ biến thông tin thống kê được hiện đại hoá.
- Ứng dụng phần mềm vào công tác biên soạn GRDP; có nhiều đổi mới về phương pháp thu thập, suy rộng, tính toán giá trị để phản ánh sát với phát triển của ngành nông nghiệp.
- Nhiều chỉ tiêu xã hội, môi trường quan trọng được biên soạn và phổ biến kịp thời."
- Ứng dụng triệt để CNTT" Nằm trong TOP 20 quốc gia dẫn đầu về các chỉ tiêu thống kê phát triển ngành TTTT và chuyển đổi số.

6. Tầm nhìn đến 2045 cho đơn vị phụ trách: Có 54 ý kiến

- Hình thành hệ thống thông tin thống kê của tỉnh tập trung, thống nhất, thông suốt và hiệu quả với số lượng thông tin ngày càng đầy đủ và chất lượng thông tin ngày càng cao.
- Hoạt động thống kê đảm bảo khách quan, chính xác, kịp thời, đầy đủ, thực sự là công cụ đắc lực cho quản lý vĩ mô.
- Thống kê xã hội, môi trường phục vụ tốt cuộc sống

- Phát triển nhanh, bền vững với lộ trình hợp lý, có tính kế thừa; kết hợp chặt chẽ và hài hòa giữa yêu cầu trước mắt với mục tiêu lâu dài, giữa phát triển nhanh với phát triển bền vững.

- Đổi mới thống kê Việt Nam theo hướng hiện đại đáp ứng niềm tin của người sử dụng.

- Là sự kết nối chia sẻ Thông tin Thống kê từ cấp Trung ương, Thành phố, các Sở, ngành và người dùng tin.

- 70% khối lượng công việc thu thập, xử lý, tổng hợp số liệu thống kê được tin học hóa, tự động hóa.

- Thống kê tài khoản quốc gia đạt mức độ cao nhất theo chuẩn quốc tế vào năm 2045

- Chất lượng thông tin thống kê giá đạt tiêu chuẩn quốc tế đến năm 2045

- Hoạt động hợp tác quốc tế của ngành Thống kê phát triển và hội nhập sâu rộng với cộng đồng thống kê thế giới

- Chất lượng thông tin thống kê giá đạt tiêu chuẩn quốc tế đến năm 2045

- Đáp ứng nhu cầu thông tin về chỉ số Giá theo đúng tiêu chuẩn quốc tế

- Chất lượng thông tin thống kê giá đạt tiêu chuẩn quốc tế đến năm 2045

- Là đơn vị xuất bản, cung cấp, thương mại hoá thông tin Thống kê của ngành Thống kê.

- Công tác thống kê tiếp tục là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của NHNN, đảm bảo thu thập, cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, giám sát đảm bảo an toàn hoạt động của các tổ chức tín dụng.

- Thông tin thống kê kinh tế - xã hội được phổ biến theo thời gian thực.

7. Tầm nhìn thống kê Việt Nam đến năm 2045

Dự thảo về tầm nhìn “Thống kê Việt Nam trở thành tổ chức thống kê hiện đại vào năm 2045”.

Kết quả cho thấy ý kiến đồng ý đạt 94%; ý kiến không đồng ý là 6%.

- **Các ý kiến khác về tầm nhìn:** Có 6 ý kiến khác nhau, trong đó Phiếu 1 có 5 ý kiến; Phiếu 2 có 1 ý kiến.

- Thống kê Việt Nam trở thành tổ chức thống kê phát triển hiện đại vào năm 2045.

- Thống kê Việt Nam đến năm 2045 có chỉ số năng lực đạt là? hoặc nằm trong top? so với các nước.

- Thống kê Việt Nam trở thành tổ chức thống kê phát triển, có hệ thống, khoa học, chuyên nghiệp, hiện đại vào năm 2045

- Thống kê Việt Nam góp phần định hướng phát triển quốc gia bền vững

- Mục tiêu trở thành tổ chức thống kê hiện đại - phải được hiện thực hóa sớm hơn)

- Không đồng ý bởi từ hiện đại rất chung chung, cần xác định rõ Thống kê Việt Nam đứng ở đâu trên bản đồ thống kê khu vực và thế giới

8. Giá trị cốt lõi của thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030:

Giá trị cốt lõi của thống kê Việt Nam	Ý kiến	
	Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)
1. Trung thực	94	6
2. Đáng tin cậy	97	3
3. Chuyên nghiệp	97	3
4. Thích ứng	94	6
5. Minh bạch	99	1

Ý kiến khác về giá trị cốt lõi: Có 26 ý kiến, trong đó Phiếu 1 có 18 ý kiến, Phiếu 2 có 8 ý kiến.

- Kịp thời
- Trung thực” nên thay bằng “Khách quan”
- Độc lập, khách quan, chuẩn mực
- Chất lượng
- Hiệu quả
- Sáng tạo
- Trách nhiệm
- Nội hàm "đáng tin cậy" phụ thuộc vào nhiều yếu tố (chọn mẫu, kinh phí, dữ liệu hành chính,...). Thành tố "trung thực" có thể phần nào bao trùm "đáng tin cậy", mặt khác, "đáng tin cậy" có nghĩa hàn lâm, không phổ quát;
- Đổi mới sáng tạo
- Kịp thời, đầy đủ

9. Đột phá của thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030

9.1. Đột phá về thể chế: Kết quả cho thấy có 94% ý kiến đồng ý “Đột phá về thể chế” và chỉ có 6% không đồng ý “Đột phá về thể chế”

- **Ý kiến đột phá cụ thể về thể chế:** Có 63 ý kiến, trong đó Phiếu 1 có 47 ý kiến; Phiếu 2 có 16 ý kiến.

- **Luật Thống kê:** Tiếp tục hoàn thiện thể chế và khuôn khổ pháp lý cho các hoạt động thống kê; Bổ sung, sửa đổi một số điều trong Luật Thống kê 2015, Nghị Định 95/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê; Luật hóa các quy định về cung cấp thông tin thống kê trên môi trường mạng; quy trình đánh giá, kiểm tra thông tin được cung cấp; quy trình thanh toán kinh phí khi cung cấp thông tin; Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật; Hoàn thiện văn bản pháp luật về tổ chức thống kê bộ/ngành, sở/ngành. Xây dựng và ban hành các văn bản qui định cơ chế phối hợp, chia sẻ và kết nối thông tin thống kê quốc gia; Xây dựng được hệ thống các quy định pháp luật, cơ chế chính sách và cơ cấu tổ chức ngang

tầm nhiệm vụ; Tuyên truyền sâu rộng hơn nữa Luật Thống kê. Tranh thủ sự quan tâm của Lãnh đạo các cấp chỉ đạo cơ quan trực thuộc sử dụng triệt để số liệu thống kê. . .; Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực Thống kê; Sửa đổi luật thống kê, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và có các chế tài xử phạt mạnh đối với những hành vi vi phạm về chế độ báo cáo thống kê, cung cấp thông tin thống kê hoặc sử dụng thông tin thống kê của tổ chức và người dùng tin; Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về công tác thống kê, đảm bảo ổn định lâu dài thống nhất; Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về công tác đảm bảo an ninh thông tin, hướng tới các chuẩn mực và thông lệ quốc tế; Cơ chế chia sẻ thông tin giữa các cơ quan sản xuất số liệu thống kê nhà nước được tăng cường;

- **Tổ chức, bộ máy:** Hệ thống tổ chức thống kê dần được chuyển đổi theo chuyên môn hóa công đoạn thống kê; Thống kê Việt nam nên tách riêng là một ngành độc lập về mặt quản lý nhà nước; Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật; Hoàn thiện văn bản pháp luật về tổ chức thống kê bộ/ngành, sở/ngành; Để trở thành tổ chức độc lập, đây là bước đột phá quan trọng quyết định đến chất lượng hoạt động thống kê; Mô hình tổ chức của các chi cục thống kê cần nghiên cứu, đổi mới toàn diện. Việc sát nhập thành chi cục khu vực không giải quyết được vấn đề cốt lõi của ngành; Có tính độc lập cao về chuyên môn nghiệp vụ từ trung ương tới địa phương. Nếu được cơ quan thống kê trực thuộc Quốc hội (như kiểm toán) thì sửa luật TK 2015.

- Báo cáo Thống kê định kỳ là bắt buộc đối với Doanh nghiệp.
- Chỉ có thể chế chặt chẽ gắn với quyền lợi của mỗi công dân, tổ chức... thì quá trình thu thập thông tin mới đảm bảo sự chính xác và dễ dàng.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật tiếp cận tới chuẩn mực, thông lệ quốc tế nhằm chuẩn hóa Hệ thống chỉ tiêu thống kê theo hướng toàn diện, thống nhất; kết hợp với từng bước đổi mới, hiện đại hóa hệ thống cơ sở dữ liệu đảm bảo tính hoàn thiện, tính đồng bộ, chất lượng, theo đúng lộ trình vừa đảm bảo yêu cầu hội nhập, vừa đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành của đảng và nhà nước.

- Tiêu chuẩn, quy trình thống kê Việt Nam theo tiêu chuẩn Quốc tế;
- Muốn Thống kê Việt Nam phát triển thì việc hoàn thiện thể chế là rất quan trọng, có thể chế tốt mới thực thi nhiệm vụ trong khung pháp lý tốt.

9.2. Đột phá về khoa học, công nghệ và đổi mới:

Kết quả cho thấy có 98% ý kiến đồng ý giải pháp “Đột phá về khoa học, công nghệ và đổi mới”; chỉ có 2% là không đồng ý.

- **Ý kiến đột phá cụ thể về khoa học, công nghệ và đổi mới:**

- Luật hóa các quy định về cung cấp thông tin thống kê trên môi trường mạng; quy trình đánh giá, kiểm tra thông tin được cung cấp; quy trình thanh toán kinh phí khi cung cấp thông tin

9.3. Đột phá về nguồn nhân lực:

Kết quả cho thấy có 94% ý kiến đồng ý giải pháp “Đột phá về nguồn nhân lực”; chỉ có 2% là không đồng ý.

- **Ý kiến đột phá cụ thể về nguồn nhân lực:** có 68 ý kiến, trong đó Phiếu 1 có 53 người; Phiếu 2 có 15 người.
 - Nâng cao hơn nữa năng lực của người làm công tác thống kê.
 - Có chính sách thu hút và giữ chân được nguồn nhân lực có chất lượng cao; thường xuyên quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức
 - Tuyển chọn cán bộ công chức có trình độ ngay từ khâu tuyển dụng.
 - Đào tạo chuyên sâu đa dạng nhiều lĩnh vực thống kê xã hội; khoa học dữ liệu; thống kê kinh tế (vĩ mô).
 - Kiểm soát, đánh giá đúng nguồn lực thông qua phần mềm.
 - Quản lý chất lượng công việc.
 - Đột phá về bố trí nhân sự quản lý.
 - Trình độ, nghiệp vụ và ngoại ngữ được nâng cao phục vụ tốt công tác đối ngoại hay ngoại giao với các tổ chức quốc tế, chuyên gia nước ngoài trong xu thế hội nhập toàn cầu, vì trình độ Ngoại ngữ là một rào cản lớn.
 - Có chính sách khuyến khích, đãi ngộ nhân tài. Đặc biệt là những người có thành tích cao trong học tập và trong quá trình làm việc.
 - Tuyển dụng nguồn nhân lực có chất lượng cao theo vị trí việc làm; Luân chuyển công chức, người lao động đối với công chức giữ nhiều năm 1 vị trí.
 - Kết hợp chặt chẽ giữa ba đơn vị ở cấp trung ương và địa phương: Đơn vị đào tạo thống kê, đơn vị nghiên cứu và đơn vị làm thực tế công tác thống kê.
 - Nguồn nhân lực được đào tạo chuyên ngành thống kê- tin học, trong đó chú ý đào tạo được đội ngũ chuyên gia thống kê ở một số lĩnh vực như thiết kế mẫu điều tra, phân tích, dự báo
 - Ở trong đơn vị (Trung ương, cấp tỉnh) xây dựng nhóm, tổ bao gồm công chức có năng lực về chuyên môn như đội quân thiện chiến để giải quyết những vấn đề trọng tâm, nội dung khó và có chính sách đãi ngộ phù hợp (không thể bằng hiện nay).
 - Xây dựng và sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức chất lượng cao, tinh thông nghề nghiệp. Hình thành chuyên gia đầu ngành ở cấp trung ương và cấp tỉnh. Nâng cấp các trường, Viện thuộc Thống kê Việt Nam, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ hệ thống thống kê Việt Nam và xã hội.
 - Có tính chuyên nghiệp cao; được đào tạo thường xuyên liên tục đáp ứng nhanh với sự thay đổi và phát triển của xã hội.
 - Đề nghị cấp có thẩm quyền xây dựng ngành thống kê là ngành đặc thù, do vậy chính sách thu hút nhân tài được ưu đãi.

10. Mục tiêu tổng quát của Thống kê Việt Nam

Dự thảo mục tiêu tổng quát “**Thống kê Việt Nam đổi mới, phát triển nhanh, bền vững theo hướng hiện đại để đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng thông tin ngày càng tăng lên của xã hội**”. Kết quả cho thấy có 90% ý kiến đồng ý; chỉ có 10% ý kiến không đồng ý.

- **Các ý kiến khác về Mục tiêu tổng quát:**

- Thống kê Việt Nam thích ứng linh hoạt, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng thông tin ngày càng tăng của xã hội
- Thống kê Việt Nam đổi mới, phát triển nhanh, bền vững theo hướng hiện đại
- Thống kê Việt Nam đổi mới, thích ứng, phát triển nhanh, bền vững nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng thông tin ngày càng tăng của xã hội

11. Bảy mục tiêu cụ thể của Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2025:

Mục tiêu cụ thể của Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2025	Ý kiến	
	Không đồng ý (%)	Đồng ý (%)
Mục tiêu 1: Tăng cường sử dụng nguồn dữ liệu từ hồ sơ hành chính cho mục đích thống kê: Thay thế 30% nguồn dữ liệu từ điều tra thống kê vào năm 2025	4	96
Mục tiêu 2: 50% hoạt động thống kê được tự động hóa vào năm 2025	0	100
Mục tiêu 3: 100% chỉ tiêu thống kê thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được biên soạn và công bố theo tiêu chuẩn thống kê Việt Nam vào năm 2025, bao gồm: Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành; hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã; bộ chỉ tiêu phát triển bền vững quốc gia; bộ chỉ tiêu giới...	8	92
Mục tiêu 4: 70% sản phẩm và dịch vụ thống kê được cung cấp cho người dùng đúng hạn vào năm 2025	8	92
Mục tiêu 5: Tăng cường cung cấp dữ liệu vi mô cho người sử dụng thông tin: Tăng gấp 3 lần so với năm 2020 vào năm 2025	10	90
Mục tiêu 6: Tỷ lệ người sử dụng thông tin hài lòng đạt 85% vào năm 2025	9	91
Mục tiêu 7: 50% hoạt động thống kê được chuyển đổi số	5	95

11.1. Ý kiến khác đối với mục tiêu cụ thể của thống kê Việt Nam: Có 12 ý kiến, trong đó Phiếu 1 có 7 ý kiến; Phiếu 2 có 5 ý kiến.

- 5% tổ chức thống kê Nhà nước có hoạt động đổi mới sáng tạo.

- Tăng cường tuyên truyền, quảng bá Thống kê trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Đài truyền hình, các báo, tạp chí và trên mạng xã hội ...
- Phối hợp với các trường đại học có uy tín, đào tạo nguồn nhân lực thống kê có chất lượng cao.
- Tăng cường tổ chức hội thảo, trao đổi hợp tác thống kê các nước trên thế giới.
- Mục tiêu 7: 8% hoạt động thống kê được chuyển đổi số
- Năm 2025: Mục tiêu 7: 1%
- Mục 3: Không khả thi; nhất là chỉ tiêu cấp huyện, xã
- Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê Quốc gia; Hệ thống chỉ tiêu Bộ, ngành; Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã;
- 8% nguồn nhân lực thống kê đủ tiêu chuẩn thống kê quốc tế;
- Nghiên cứu tăng tỉ lệ về khai thác hồ sơ hành chính (mục tiêu 1) và hoạt động thống kê được chuyển đổi số (mục tiêu 7) lên cao hơn nữa
- Cung cấp thông tin hàng tuần về các dữ liệu quan trọng quốc gia
- Chỉ tiêu thống kê được cung cấp kịp thời cho địa phương là 80%
- 80% nguồn nhân lực thống kê đủ tiêu chuẩn thống kê quốc tế;
- 100% hoạt động Thống kê được chuyển đổi số.

11.2. Ý kiến khác đối với mục tiêu cụ thể của ngành/lĩnh vực phụ trách: có 7 ý kiến

- 1% Sở, Ngành có quy chế phối hợp, chia sẻ thông tin thống kê.
- 5% hoạt động thống kê được chuyển đổi số.
- Tỷ lệ người sử dụng thông tin hài lòng đạt 90% vào năm 2025;
- Lập và công bố nhóm tài khoản hiện hành, cập nhật bảng SUT 2 năm/lần

12. Sáu mục tiêu cụ thể của Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2026-2030:

Mục tiêu cụ thể của Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2026-2030	Ý kiến	
	Không đồng ý (%)	Đồng ý (%)
Mục tiêu 1: Tăng cường sử dụng nguồn dữ liệu từ hồ sơ hành chính cho mục đích thống kê: Thay thế 60% nguồn dữ liệu điều tra thống kê vào năm 2030	5	95
Mục tiêu 2: 100% hoạt động thống kê được tự động hóa vào 2030	5	95
Mục tiêu 3: 100% sản phẩm và dịch vụ thống kê được cung cấp cho người dùng đúng hạn vào năm 2030	6	93
Mục tiêu 4: Tăng cường cung cấp dữ liệu vi mô cho người sử dụng thông tin: Tăng gấp 8 lần so với năm 2020 vào năm 2030.	12	88
Mục tiêu 5: Tỷ lệ người sử dụng thông tin hài lòng đạt 95% vào năm 2030	15	85
Mục tiêu 6: 70% hoạt động thống kê được chuyển đổi số.	6	94

12.1. Ý kiến khác về mục tiêu cụ thể giai đoạn 26-30 đối với thống kê Việt Nam: có 10 ý kiến, trong đó Phiếu 1 có 6 ý kiến; Phiếu 2 có 4 ý kiến.

- 1% tổ chức thống kê Nhà nước có hoạt động đổi mới sáng tạo.
- Mục 6: 9%
- 9% công chức đạt chuẩn thống kê quốc tế;
- Hệ thống các tiêu chuẩn thống kê Việt Nam theo chuẩn quốc tế.
- Chỉ tiêu thống kê được cung cấp kịp thời cho địa phương là 90%
- 90% công chức đạt chuẩn thống kê quốc tế.
- Hệ thống các tiêu chuẩn thống kê Việt Nam theo chuẩn quốc tế.

12.2. Ý kiến khác về mục tiêu cụ thể giai đoạn 26-30 đối với ngành/lĩnh vực phụ trách:

Có 8 ý kiến, tuy nhiên các ý kiến góp ý tuy nhiên trùng với các ý kiến trên.

13. Năm nhiệm vụ trong Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030:

Nhiệm vụ trong Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030	Ý kiến	
	Không đồng ý (%)	Đồng ý (%)
Nhiệm vụ 1: Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện và áp dụng một cách hệ thống các tiêu chuẩn thống kê Việt Nam theo chuẩn quốc tế	0	100
Nhiệm vụ 2: Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện, áp dụng các quy trình thống kê theo chuẩn quốc tế	18	82
Nhiệm vụ 3: Sử dụng dữ liệu hành chính và các nguồn dữ liệu khác cho hoạt động thống kê	2	98
Nhiệm vụ 4: Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong lĩnh vực thống kê	17	83
Nhiệm vụ 5: Tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức và phát triển nguồn nhân lực thống kê	2	98

13.1. Ý kiến khác về nhiệm vụ đối với thống kê Việt Nam: có 8 ý kiến, trong đó Phiếu 1 có 6 ý kiến; Phiếu 2 có 2 ý kiến.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê.
- Nhiệm vụ 4 là công việc thường xuyên, liên tục, không nên đưa vào
- Muốn sử dụng dữ liệu hành chính thì đảm bảo tính minh bạch, chính xác của dữ liệu này
- Nhiệm vụ 2 nên được viết gộp vào cùng với nhiệm vụ 1 vì có ý giống nhau
- Hoạt động thống kê tiếp tục được chuyển đổi số;
- Sản phẩm và dịch vụ thống kê được cung cấp cho người dùng đúng hạn

- Sắp xếp tinh gọn bộ máy phù hợp chủ trương của Đảng
- Tổng kết, đánh giá thực hiện quản lý nhà nước về thống kê để kiến nghị sửa đổi phù hợp

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về thống kê phù hợp với sự phát triển của xã hội.
- Xây dựng được bộ máy tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả.

13.2. Ý kiến khác về nhiệm vụ đối với ngành/lĩnh vực phụ trách:

Các ý kiến góp ý không có gì mới

14. Năm nhóm Giải pháp của thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030:

14.1. Nhóm giải pháp về tuyên truyền, quảng bá thống kê:

Kết quả cho thấy có 97% ý kiến đồng ý và 3% không đồng ý về nhóm giải pháp này.

- **Ý kiến cụ thể về giải pháp về tuyên truyền, quảng bá thống kê:** có 87 ý kiến, trong đó Phiếu 1 có 53 ý kiến, Phiếu 2 có 24 ý kiến.
 - Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng về ý nghĩa và tầm quan trọng của chất lượng số liệu thống kê đến công tác lập kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phát luật thống kê; kiến thức thống kê. Từ đó, nâng cao ý thức và trách nhiệm của đối tượng cung cấp thông tin cũng như đối tượng sử dụng số liệu thống kê công bố.
 - Tuyên truyền những thành tựu ấn tượng đạt được trong 75 năm xây dựng và phát triển, khẳng định sự phát triển của ngành thống kê cần gắn với chất lượng của số liệu thống kê, đảm bảo Trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời.
 - Nâng cao nhận thức của cộng đồng về trách nhiệm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, trung thực cho các cơ quan thống kê theo quy định của Luật Thống kê và các văn bản pháp lý khác.
 - Tiếp cận đưa kiến thức thống kê vào giáo dục từ lớp 7.
 - Trước tiên là quán triệt của lãnh đạo các cấp về thông tin thống kê mang tính khách quan, độc lập và minh bạch, không có sự can thiệp ảnh hưởng đến phương pháp thống kê trong quá trình thu thập đánh giá và triển khai.
 - Xây dựng bản tin thống kê trên truyền hình, trên WEB Tổng cục thống kê.
 - Định kỳ công bố các thông tin thống kê cấp tỉnh, huyện, xã trên WEB.
 - Cải tiến các sản phẩm, infographic.
 - Mỗi công chức thống kê, cộng tác viên thống kê là 1 tuyên truyền viên.
 - Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá thống kê Việt Nam cả trong nước và quốc tế
 - Nên có chương trình phối hợp với các đài truyền hình phổ biến kiến thức thống kê
 - Cần thực hiện nhóm giải pháp này để giới thiệu, tuyên truyền về thống kê tới xã hội.

góp phần nâng cao nhận thức, niềm tin của xã hội, sự ủng hộ của người dân và các cấp, các ngành đối với thống kê.

- Lồng ghép, tuyên truyền thông tin thống kê bằng hình ảnh trực quan thông qua một số chương trình giáo dục ngoại khóa các cấp học.
- Tuyên truyền phương pháp luận, khái niệm nói chung, ý nghĩa các chỉ tiêu thống kê đến người dùng dùng tin.
- Hiện nay, theo thông tin chưa chính thống như có ý kiến môn toán thống kê được đưa vào học từ lớp 2, cải cách giáo dục, trở thành 1/3 trụ cột môn toán. Do vậy, ngoài dùng nhóm này theo quá trình sản xuất số liệu thống kê, còn đưa vào đối tượng học sinh, sinh viên thực sự quan tâm.
- Kế hoạch về phương pháp tuyên truyền.
- Hợp báo công bố thông tin thống kê, xuất bản ấn phẩm thống kê, phóng sự, chuyên đề.

14.2. Nhóm giải pháp về thể chế:

Có 95% ý kiến đồng ý và có 5% ý kiến không đồng ý về nhóm giải pháp này.

- **Ý kiến cụ thể giải pháp về thể chế:** có 73 ý kiến, trong đó Phiếu 1 có 49 ý kiến, Phiếu 2 có 24 ý kiến.
- Tạo cơ chế phối hợp tốt, chia sẻ thông tin thống kê giữa các cơ quan sản xuất số liệu thống kê nhà nước.
- Thành lập Hội đồng thống kê quốc gia
- Không thu hẹp đầu mối ở các huyện, thậm chí phải xây dựng thống kê cấp xã vững mạnh, trực thuộc Bộ kế hoạch và Đầu tư.
- Thể chế trong thu thập thông tin cá nhân: Tính bảo mật

14.3. Nhóm giải pháp về nguồn lực:

Có 98% ý kiến đồng ý và có 2% ý kiến không đồng ý về nhóm giải pháp này.

- **Ý kiến cụ thể về giải pháp nguồn nhân lực:** có 69 ý kiến trả lời, trong đó Phiếu 1 có 53 ý kiến, Phiếu 2 có 6 ý kiến.
- Tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng, quản lý và sử dụng nhân lực thống kê theo hướng nâng cao tính chuyên nghiệp. Chú trọng đào tạo nhân lực có trình độ đại học và trên đại học chuyên ngành thống kê.
- Hình thành, sử dụng hiệu quả lực lượng điều tra viên nông cốt.
- Tăng cường thu hút nguồn nhân lực thống kê chất lượng cao từ các trường Đại học trong nước và ngoài nước.
- Liên kết đào tạo, giảng dạy với các trường quốc tế có hoạt động thống kê hiện đại.
- Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ kinh phí việc xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao trong công tác thống kê.

- Đội ngũ công chức làm công tác thống kê được đào tạo theo hướng chuẩn hóa, chuyên môn hóa.
- Đào tạo nhân lực chất lượng cao cho ngành; quan tâm đội ngũ thống kê các ngành; thống kê cấp xã; . . .
- Tuyển dụng công chức các vụ biệt phái xuống Cục, tuyển dụng các Cục xuống chi cục sau đó cho quay về đơn vị thi tuyển
- Xây dựng đội ngũ chuyên gia khác với đội ngũ lãnh đạo
- Hoàn thiện các tiêu chuẩn cho người làm công tác thống kê (ví dụ như tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ thống kê để đảm bảo điều kiện xét, xếp chuyên ngạch công chức ngạch thống kê của cán bộ của các bộ, ngành)
- Phối hợp với các tổ chức quốc tế để tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác thống kê"
- Tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ thống kê các sở, ngành...
- Đào tạo nâng cao trình độ cho công chức của Ngành Thống kê về nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ đạt khung tiêu chuẩn quốc tế.

14.4. Nhóm giải pháp về ứng dụng công nghệ thông tin:

Kết quả tổng hợp cho thấy có 100 % ý kiến giải phát về ứng dụng công nghệ thông tin.

- **Ý kiến cụ thể về giải pháp về ứng dụng công nghệ thông tin:** có 70 ý kiến, trong đó Phiếu 1 có 53 ý kiến, Phiếu 2 có 17 ý kiến.
- Đẩy mạnh việc áp dụng, ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, góp phần nâng cao hiệu quả công tác thống kê và hình thành hệ thống thông tin thống kê theo hướng tin học hóa. Đẩy mạnh áp dụng phương pháp điều tra thống kê sử dụng thiết bị điện tử để thu thập và truyền đưa thông tin thống kê. Áp dụng và thực hiện các phần mềm ứng dụng nhằm tự động hóa các khâu xử lý, tổng hợp, phân tích và dự báo thống kê.
- Ứng dụng triệt để CNTT trong tất cả các khâu quá trình sản xuất thông tin, nhất là khâu thu thập, tổng hợp để rút ngắn thời gian thực hiện, tiết kiệm chi phí.
- Hiện đại hóa trong thu thập dữ liệu
- Phát triển và hoàn thiện phần mềm ứng dụng trong khâu thu thập thông tin, xử lý, tổng hợp, phân tích và dự báo, lưu trữ và phổ biến thông tin thống kê; tăng cường điều tra thống kê bằng phiếu điện tử (webform) và máy tính bảng (CAPI) nhằm làm tăng tính minh bạch, chặt chẽ của quy trình sản xuất thông tin thống kê và rút ngắn thời gian công bố số liệu.
- Tranh thủ các nguồn lực kinh tế (từ nguồn ngân sách, từ các tổ chức quốc tế, từ nguồn xã hội hóa) để đầu tư cho phát triển công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu sản xuất thông tin thống kê trong giai đoạn sắp đến.
- Trang bị máy móc thiết bị đáp ứng nhu cầu thu thập, xử lý thông tin thống kê.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và kho dữ liệu thông tin thống kê quốc gia tập trung.
- Đảm bảo kết nối chia sẻ Thông tin đồng bộ nhanh chóng, chính xác giữa các Sở, ban, ngành với cơ quan Thống kê.
- Tăng nhanh tốc độ xử lý, rút ngắn thời gian để nhanh công bố thông tin
- Xây dựng trung tâm dữ liệu đầu vào: Xây dựng trung tâm dữ liệu đầu vào tập trung thống nhất trên cơ sở chuẩn hóa nghiệp vụ và công nghệ sử dụng. Tích hợp tất cả dữ liệu từ các nguồn điều tra, nguồn dữ liệu hành chính, từ nguồn chế độ báo cáo định kỳ và từ nguồn dữ liệu lớn (big data).
- Xây dựng cơ sở dữ liệu đặc tả thống kê (metadata) đáp ứng yêu cầu về chuẩn hóa dữ liệu.
- Tăng cường thuê ngoài dịch vụ CNTT, không đầu tư về hệ thống
- Tiến hành chuyển đổi số thực tế các mảng kế hoạch tài chính, tổ chức cán bộ, văn phòng, thanh tra,...
- Thực hiện chuyển đổi số ở tất cả các khâu đặc biệt là từ khâu ghi chép ban đầu.
- Đẩy mạnh công tác đảm bảo an ninh, an toàn trên không gian mạng
- Tích hợp và sử dụng hiệu quả các dữ liệu lớn. Nghiên cứu, triển khai có hiệu quả trí tuệ thông minh (trí tuệ nhân tạo)
- Xây dựng trung tâm dữ liệu đầu vào: Xây dựng trung tâm dữ liệu đầu vào tập trung thống nhất trên cơ sở chuẩn hóa nghiệp vụ và công nghệ sử dụng. Tích hợp tất cả dữ liệu từ các nguồn điều tra, nguồn dữ liệu hành chính, từ nguồn chế độ báo cáo định kỳ và từ nguồn dữ liệu lớn (big data).
- Xây dựng cơ sở dữ liệu đặc tả thống kê (metadata) đáp ứng yêu cầu về chuẩn hóa dữ liệu.
- Đẩy mạnh công nghệ số hóa các cuộc điều tra thống kê, quản lý dữ liệu hành chính.

14.5. Nhóm giải pháp về hợp tác quốc tế:

Kết quả tổng hợp cho thấy có 100 % ý kiến giải pháp về ứng dụng công nghệ thông tin.

- **Ý kiến cụ thể về giải pháp về hợp tác quốc tế:** có 63 ý kiến, trong đó Phiếu 1 có 47 ý kiến, Phiếu 2 có 16 ý kiến.
- Tăng cường hợp tác, trao đổi, học tập để tiếp cận, áp dụng phương pháp thống kê tiên tiến phù hợp quản lý của Việt Nam; đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ về tài chính của các nước, các tổ chức.
- Tham gia đóng góp, sử dụng sản phẩm của các nhóm công tác toàn cầu của thống kê LHQ
- Xây dựng các chương trình hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê theo hướng mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác để tiếp cận các phương pháp thống kê tiên tiến, công nghệ hiện đại, tiêu chuẩn và chuẩn mực quốc tế về thống kê.
- Tiếp tục mở rộng và tăng cường hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê.

- Tăng cường trao đổi, hợp tác về chuyên môn với các nước trong khu vực và thế giới để trao đổi học tập kinh nghiệm trên các lĩnh vực, nhằm thúc đẩy sự phát triển của Thống kê Việt nam.

- Thường xuyên trao đổi, hợp tác, học hỏi với các nước có nền thống kê tiên tiến hiện đại.

- Tham gia các hoạt động của thống kê thế giới, ASEAN, các cuộc điều tra của tổ chức quốc tế.

- Xây dựng và đẩy mạnh chương trình hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê theo hướng mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, nhằm tiếp cận nhanh phương pháp thống kê tiên tiến, công nghệ hiện đại theo chuẩn mực thống kê quốc tế.

- Tăng cường hợp tác và trao đổi thông tin, kinh nghiệm các nước tiên tiến

- Thống kê Việt Nam cần phải nâng cao năng lực hiện có để làm sao có thể sản xuất và cung cấp các sản phẩm thống kê đạt chất lượng theo chuẩn quốc tế; Nâng cao chất lượng dữ liệu của các cơ quan sản xuất dữ liệu thống kê thông qua việc phát triển phương pháp luận theo chuẩn quốc tế, với việc cải thiện sự minh bạch, duy trì sự tin nhiệm và tin cậy của những người sử dụng; Tiếp cận nhanh chóng với các công nghệ hiện đại, nghiệp vụ thống kê tiên tiến, các chuẩn quốc tế, trao đổi kinh nghiệm, tranh thủ trợ giúp kỹ thuật tài chính và từng bước nâng cao vị thế của Thống kê Việt Nam trong cộng đồng ASEAN và trên thế giới.

- Hợp tác quốc tế không thể thiếu trong thời đại 4.0; thời đại toàn cầu hóa. Hợp tác là cùng nhau phát triển, cùng nhau giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn, để tiếp cận khoa học, công nghệ mới của thế giới cũng như các khâu tổ chức, quản lý và điều hành...

- Tiếp tục tăng cường hợp tác quốc tế trong hoạt động thống kê, nhất là đối với các nước có trình độ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

- củng cố bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, chuyên gia hợp tác quốc tế về công tác thống kê.

- Đẩy mạnh hoạt động quảng bá hình ảnh và nâng cao vị thế Thống kê Việt Nam trong cộng đồng thống kê khu vực và thế giới.

- Tranh thủ sự tài trợ của các tổ chức; Liên kết hợp tác với các tổ chức, các nước phát triển

- Xây dựng chương trình cụ thể hợp tác quốc tế với các nước trong các lĩnh vực thống kê đồng thời giám sát, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm, theo hướng mở rộng và nâng cao chất lượng hiệu quả hợp tác song phương và đa phương, tăng cường công tác học hỏi kinh nghiệm các nước, tiếp cận phương pháp thống kê tiên tiến, công nghệ hiện đại và các chuẩn mực thống kê quốc tế.

- Chủ động tăng cường hợp tác quốc tế, đa dạng hóa các hoạt động hợp tác, vận động nguồn tài trợ nước ngoài để nâng cao năng lực thống kê, năng lực ngoại ngữ; không chỉ tham gia mà còn là thành viên của các nhóm công tác thống kê quốc tế

- Xây dựng chương trình cụ thể hợp tác quốc tế với các nước trong các lĩnh vực thống kê thời kỳ (2021-2025) và (2026-2030), đồng thời giám sát, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm, theo hướng mở rộng và nâng cao chất lượng hiệu quả hợp tác song phương và đa phương, tăng cường công tác học hỏi kinh nghiệm các nước, tiếp cận phương pháp thống kê tiên tiến, công nghệ hiện đại và các chuẩn mực thống kê quốc tế.
- Thiết lập mối quan hệ đối tác giữa các nước có điều kiện tương đồng, thông qua hình thức hợp tác này, các hai nước sẽ chia sẻ kỹ năng, trình độ nghiệp vụ cũng như kinh nghiệm góp phần tăng cường năng lực và kỹ thuật thống kê giữa hai bên đồng thời giúp duy trì quan hệ văn hóa và hữu nghị gắn kết giữa hai nước.
- Mục đích trao đổi, học tập kinh nghiệm trong công tác thống kê phù hợp với các quy định của tổ chức thống kê thế giới
- Tận dụng, phát huy hiệu quả HTQT; Đổi mới, đồng bộ các bảng danh mục, mã số ở phạm vi toàn thế giới. Đổi mới một số lĩnh vực hoạt động cụ thể - bảng danh mục, mã số, nội dung, nội hàm các quốc gia sử dụng phải được thống nhất. (Tương tự như mã hồ sơ)
- Tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật của cá tổ chức quốc tế để xây dựng các mẫu báo cáo theo tiêu chuẩn quốc tế, không ngừng tăng cường năng lực thống kê khu vực đối ngoại
- Thu hút các nguồn lực đầu tư của nước ngoài trong các lĩnh vực thống kê, nhanh chóng giảm thiểu khoảng cách giữa thống kê nước ta và thống kê giữa các nước phát triển.
- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong hoạt động thống kê, tăng cường các hoạt động hội nghị, hội thảo về công tác thống kê với nước ngoài
- Đảm bảo nhận thức, năng lực thực hiện toàn diện, đủ lớn và luôn bắt kịp trình độ phát triển chung của khu vực, thế giới
- Tăng cường hợp tác sâu rộng về thống kê trong cộng đồng Thống kê khu vực và quốc tế.
- Mở rộng hợp tác với các tổ chức thống kê quốc tế để tiếp cận phương pháp tiên tiến, công nghệ hiện đại, chuẩn mực quốc tế để tăng cường nguồn lực về mọi mặt để thực hiện thành công phương hướng, mục tiêu của chiến lược đến năm 245
- Đội ngũ công chức Vụ Hợp tác quốc tế cần giỏi về ngoại ngữ, tin học
- Nghiên cứu, chọn lọc các quy trình thống kê theo tiêu chuẩn quốc tế
- Tăng cường công tác hợp tác, chia sẻ dữ liệu với các nước trong khối ASEAN, các nước trên thế giới
- Đẩy mạnh thu hút các nguồn nhân lực trực tiếp của nước ngoài và thực hiện chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực thống kê then chốt nhanh chóng giảm thiểu khoảng cách giữa thống kê nước ta và thống kê giữa các nước phát triển

14.6. Nhóm giải pháp khác (ghi cụ thể):

- **Đối với thống kê Việt Nam:** có 9 ý kiến, trong đó Phiếu 1 có 5 ý kiến, Phiếu 2 có 4 ý kiến.

- Đẩy mạnh chất lượng sản phẩm thống kê
- Ổn định tổ chức bộ máy ngành Thống kê
- Thúc đẩy xã hội hóa để giúp huy động thêm nguồn lực cho hoạt động thống kê.
- Thực hiện (hoặc hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương) thu thập phân tích và báo cáo được các số liệu thống kê quan trọng - ảnh hưởng lớn đến quốc gia và đến ngành.
- Các nhóm giải pháp cần phù hợp với các nhiệm vụ đã nêu ra trước đó (Các nhiệm vụ đã nêu ở câu 13)

*** Đối với ngành/lĩnh vực phụ trách:** có 4 người trả lời, tuy nhiên không có khác biệt với ý kiến khác.

II. KẾT QUẢ THAM VẤN NGƯỜI SỬ DỤNG THÔNG TIN THỐNG KÊ

Báo cáo kết quả tham vấn đối tượng người sử dụng được tổng hợp ngắn gọn, súc tích, theo thứ tự các câu hỏi trong phiếu, Kết quả cụ thể dưới đây:

1. Các nhóm đối tượng sử dụng thông tin thống kê nhà nước

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy có 4 nhóm tham gia trả lời các câu hỏi tham vấn khá đều nhau, nhóm cơ quan thông tấn có 53 người, chiếm 17%; nhóm nhiều nhất là “Lãnh đạo cơ quan nhà nước và hoạch định chính sách” và “Giảng viên, sinh viên, các nhà nghiên cứu” đều có số người là 87, chiếm 28%. Nhóm có số lượng ít nhất là “Tổ chức quốc tế có văn phòng đại diện tại Việt Nam chỉ có 7 người, chiếm 2%, do các đơn vị này ít (chỉ gửi đến một số tổ chức có làm việc với Tổng cục Thống kê).

Bảng 1. Số người trả lời tham vấn chia theo nhóm đối tượng

STT	Nhóm đối tượng	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Lãnh đạo cơ quan nhà nước; quản lý và hoạch định chính sách	87	28
2	Giảng viên, sinh viên, các nhà nghiên cứu	87	28
3	Tổ chức quốc tế có văn phòng đại diện tại Việt Nam	7	2
4	Cơ quan thông tấn báo chí	53	17
5	Doanh nghiệp và nhà đầu tư	79	25
Tổng số		313	100

2. Sử dụng thông tin thống kê của thống kê nhà nước

Kết quả tham vấn cho thấy trong 313 người được hỏi, có 260 người, chiếm 83.1% đã sử dụng thông tin thống kê nhà nước; có 53 người, chiếm 16.9% là chưa sử dụng thông tin

Bảng 2. Tỷ lệ sử dụng thông tin thống kê nhà nước

STT	Ý kiến	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Có	260	83.1
2	Không	53	16.9
Tổng số		313	100

3. Lý do chưa sử dụng thông tin thống kê

Trong 53 người tham vấn chưa sử dụng thông tin đã lựa chọn 71 lý do chưa sử dụng thông tin được chi tiết trong Bảng 3. Kết quả trong Bảng 3 cho thấy lượt người chưa sử dụng thông tin thống kê do chưa có nhu cầu cao nhất là 37 người, chiếm 52%; 22 người chưa sử dụng do chưa biết, chiếm 31%; sử dụng nguồn khác chiếm 3% và không tiếp cận được chiếm 8%. Nhìn vào kết quả này cho thấy cần tăng cường phổ biến, quảng bá thông tin thống kê để người sử dụng được biết và dễ tiếp cận.

Bảng 3. Số lượng người chưa sử dụng thông tin thống kê chia theo lý do

STT	Lý do	Số lựa chọn	Tỷ lệ (%)
1	Do chưa biết	22	31
2	Do chưa có nhu cầu	37	52
3	Do có nguồn số liệu khác	2	3
4	Do không tiếp cận được	6	8
5	Do không tin tưởng	0	0
6	Do số liệu không phù hợp	1	1
7	Do số liệu không đầy đủ	0	0
8	Do phổ biến/cung cấp không kịp thời	2	3
9	Mục khác:	1	1
Tổng số		71	100

4. Mục đích sử dụng thông tin thống kê nhà nước

Trong 313 người tham vấn cho ý kiến lựa chọn 385 phương án sử dụng thông tin theo các mục đích. Kết quả trong Bảng 4 cho thấy sử dụng thông tin thống kê nhà nước “Phục vụ việc đánh giá và xây dựng các chính sách kinh tế - xã hội” chiếm tỷ lệ cao nhất: 120 người, chiếm 31%; Phục vụ học tập, nghiên cứu và giảng dạy, có 100 người, chiếm 26%; Phục vụ cho việc giám sát và phản biện xã hội (đối với các chuyên gia, nhà báo, quốc hội) có tỷ lệ thấp nhất là 39 người, chiếm 10%.

Bảng 4. Số người sử dụng thông tin thống kê nhà nước chia theo mục đích

STT	Mục đích sử dụng thông tin thống kê	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Phục vụ việc đánh giá và xây dựng các chính sách kinh tế - xã hội	120	31
2	Phục vụ việc học tập, nghiên cứu và giảng dạy	100	26
3	Phục vụ cho việc giám sát và phản biện xã hội	39	10
4	Phục vụ cho mục đích kinh doanh	54	14
5	Mục khác:	72	19
Tổng		385	100

5. Sử dụng thông tin thống kê nhà nước theo lĩnh vực

Trong số 313 người tham vấn đã lựa chọn sử dụng 1714 số lượt lĩnh vực thống kê được chi tiết trong Bảng 5. Kết quả cho thấy tỷ lệ sử dụng thông tin thống kê của 13 lĩnh vực trong Bảng 5 dưới đây là khá đồng đều, giao động từ 5.2% đến 10.3%. Điều này cho thấy các đối tượng dùng tin sử dụng đồng đều thông tin về kinh tế - xã hội cho các mục đích khác nhau.

**Bảng 5. Số người sử dụng thông tin
thống kê nhà nước chia theo lĩnh vực thống kê**

STT	Lĩnh vực thống kê	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Đơn vị hành chính, đất đai và khí hậu	136	7.9
2	Dân số và lao động	177	10.3
3	Tài khoản quốc gia (GDP, GNI,...)	95	5.5
4	Tài chính (ngân hàng, bảo hiểm, thu chi ngân sách, ...)	111	6.5
5	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	152	8.9
6	Công nghiệp	142	8.3
7	Vốn đầu tư và xây dựng	137	8.0
8	Doanh nghiệp	157	9.2
9	Thương mại, du lịch, chỉ số giá	154	9.0
10	Vận tải và bưu chính, viễn thông.	89	5.2
11	Giáo dục	123	7.2
12	Y tế, văn hóa, thể thao, mức sống dân cư	132	7.7
13	Môi trường	107	6.2
14	Mục khác:	2	0.1
Tổng		1714	100

6. Sử dụng thông tin thống kê nhà nước theo các sản phẩm thống kê

Trong số 313 người tham vấn đã lựa chọn sử dụng 841 số lượt sản phẩm thống kê được chi tiết trong Bảng 6. Kết quả cho thấy tỷ lệ sử dụng thông tin thống kê được phân bổ tương đối đều cho các sản phẩm thống kê. Trong đó, tỷ lệ sử dụng Niên giám thống kê (quốc gia, tỉnh, huyện) được sử dụng nhiều nhất với 196 người, chiếm 23.3%. Tiếp đến là “Báo cáo tình hình kinh tế xã hội tháng, quý, năm (quốc gia/tỉnh/huyện)” có số người sử dụng là 172 người, chiếm 20.5%. “Kết quả các cuộc điều tra (Tổng cục Thống kê/bộ, ngành)” và “Cơ sở dữ liệu thống kê nhà nước đăng tải trên website” được quan tâm sử dụng đứng thứ 2 lần lượt với 150 người và 145 người sử dụng, chiếm tương ứng là 17.8% và 17.5%. Qua tỷ lệ sử dụng các sản phẩm, nhà sản xuất biết được người dùng tin thường tiếp cận số liệu thống kê qua các sản phẩm nào để có sự cải tiến, nâng cao chất lượng để đáp ứng yêu cầu của người dùng tin.

**Bảng 6. Số người sử dụng thông tin
thống kê nhà nước chia theo các sản phẩm thống kê**

STT	Sử dụng thông tin thống kê từ các sản phẩm	Số người	Tỷ lệ
1	Báo cáo tình hình kinh tế xã hội tháng, quý, năm (quốc gia/tỉnh/huyện)	172	20.5
2	Niên giám thống kê (quốc gia/tỉnh/huyện)	196	23.3
3	Niên giám/ấn phẩm thống kê (bộ, ngành)	73	8.7
4	Ấn phẩm phân tích tình hình kinh tế - xã hội hàng năm và nhiều năm	103	12.2
5	Kết quả các cuộc điều tra (Tổng cục Thống kê/bộ, ngành)	150	17.8
6	Cơ sở dữ liệu thống kê nhà nước đăng tải trên website	145	17.2
7	Mục khác:	2	0.2
Tổng		841	100

7. Ý Kiến hài lòng về các sản phẩm thống kê nhà nước đã sử dụng

Kết quả trong Bảng 7 cho thấy trong 260 người đã sử dụng các sản phẩm thống kê nhà nước, có đến 256 người, chiếm 98.5% cho ý kiến đánh giá có hài lòng về các sản phẩm thống kê nhà nước đã sử dụng. Đây là một tỷ lệ rất cao cho thấy các sản phẩm thống kê nhà nước đáp ứng tốt yêu cầu của người dùng tin.

(Trong 313 người có 260 người đã sử dụng thông tin thống kê và 53 người chưa sử dụng, Kết quả tại Bảng 2)

Bảng 7. Tỷ lệ hài lòng về các sản phẩm thống kê nhà nước đã sử dụng

STT	Ý kiến	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Có	256	98.5%
2	Không	4	1.5%
Tổng số		260	100

- **Các sản phẩm thống kê nhà nước chưa hài lòng**

Trong 260 người có ý kiến đánh giá về hài lòng khi sử dụng sản phẩm thống kê có 4 người chưa hài lòng, sau khi hỏi cụ thể về các sản phẩm chưa hài lòng. Bốn người cho biết:

- Kết quả các cuộc điều tra
- Số liệu điều tra chưa suy rộng đến cấp quận, huyện
- Niên giám thống kê
- Tổng cục thống kê; Cuộc điều tra dân số; Thống kê về du lịch ở các tỉnh/thành và cả nước; Thống kê về doanh nghiệp; Thống kê về FDI

8. Sử dụng thông tin thống kê nhà nước qua những hình thức phổ biến/cung cấp

Trong số 313 người tham vấn đã lựa chọn sử dụng 708 số lượt sử dụng thông tin theo các hình thức phổ biến thông tin thống kê được chi tiết trong Bảng 8. Kết quả trong Bảng 8 cho thấy, người sử dụng thông tin thống kê qua các hình thức rất đa dạng. Tuy nhiên, hình thức sử dụng dữ liệu trên Website là được sử dụng nhiều nhất với 202 người, chiếm 28.5%; tiếp đến là Xuất bản phẩm được sử dụng thứ 2 với 180 người, chiếm 25.4%

**Bảng 8. Số lượng người sử dụng thông tin
thống kê nhà nước chia theo hình thức phổ biến/cung cấp**

STT	Hình thức phổ biến thông tin	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Website	202	28.5
2	Hợp báo và ra thông cáo báo chí	90	12.7
3	Phương tiện thông tin đại chúng	102	14.4
4	Xuất bản ấn phẩm	180	25.4
5	Các hình thức lưu giữ thông tin điện tử (USB, CD-ROM...)	44	6.2
6	Điện thoại, fax, email	67	9.5
7	Thư viện trong đó có máy tính cài đặt số liệu thống kê để người sử dụng thông tin đến tra cứu	21	3.0
8	Mục khác:	2	0.3
Tổng		708	100

9. Ý kiến đánh giá về sự hài lòng với tất cả các hình thức phổ biến/cung cấp thông tin thống kê nhà nước đã sử dụng.

Trong 260 người cho ý kiến đánh giá về các hình thức phổ biến/cung cấp mà họ đã sử dụng, có đến 243 người, chiếm 93% đánh giá có hài lòng, chỉ có 17 người, chiếm 7% chưa hài lòng.

Bảng 9. Tỷ lệ hài lòng với tất cả các hình thức phổ biến/cung cấp thông tin thống kê nhà nước đã sử dụng

STT	Ý kiến	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Có	243	93
2	Không	17	7
Tổng		260	100

* Lý do cụ thể về hình thức phổ biến/cung cấp không hài lòng (16 câu trả lời)

Từ Bảng 9 ta thấy có 17 người không hài lòng, trong đó có 16 người cho biết lý do chưa hài lòng, cụ thể:

- Website, dữ liệu các cuộc điều tra không có mà chỉ có dữ liệu tổng hợp
- Chậm, chưa kịp thời. Số liệu chưa thống nhất giữa các kỳ cung cấp.
- Ấn phẩm chưa chi tiết đến từng doanh nghiệp
- Hiện nay hình thức cung cấp thông tin theo niên giám thống kê kèm theo kinh phí. Trong thời đại công nghiệp 4.0, rất mong phía Tổng cục thống kê có thể nghiên cứu mở rộng cung cấp dữ liệu trên nền tảng số mà có tính pháp lý ngang bằng với niên giám thông kê được xuất bản. Ngoài ra có thể cung khai các dịch vụ (services, api) theo chuẩn CNTT của Bộ TT&TT để các đơn vị cùng khai thác dữ liệu (được Tổng cục công bố công khai trên môi trường internet)
- Các số liệu không phổ biến, không được tìm kiếm một cách dễ dàng phục vụ cho việc nghiên cứu, đánh giá, so sánh.
- Số liệu giữa các tỉnh với cả nước thường vênh
- Website, nhiều lần báo lỗi không tải. Nhiều Dữ liệu để định dạng PDF thay vì Excel nên khó trích xuất và sử dụng luôn.
- Một số số liệu thống kê phải mua (ví dụ, Số liệu về xuất nhập khẩu thủy sản của Hiệp hội Thủy sản, ...). Số liệu thống kê về du lịch, nhất là về lượt khách quốc tế và trong nước dường như không chính xác (theo quan điểm cá nhân).
- Website: Thông tin chưa được cập nhật so với ấn phẩm
- Khó tìm kiếm thông tin, lẩn tẩn về độ tin cậy
- Hệ thống thông tin qua Website cần phải được nâng cấp, cập nhật thường xuyên, nhất là hệ thống thông tin số liệu giữa các vùng, các tỉnh trong vùng, cả nước để dễ so sánh
- Thông tin trên Website chỉ có số khái quát, chưa chi tiết theo nhu cầu

- Có nhiều số liệu cần nhưng không có hoặc có 1 số loại số liệu trước đây có nhưng hiện không có, đặc biệt là số liệu nông nghiệp Website của từng địa phương
- Truyền thông tin thống kê cập nhật cho Doanh nghiệp còn chậm
- Thông tin đôi khi chưa có sự thống nhất, liên kết thông tin giữa cơ quan thống kê và cơ quan quản lý chuyên ngành dẫn đến một số trường hợp khác biệt. Cần phải sớm xây dựng và áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm về thống kê và cung cấp thông tin thống kê để thông tin đạt được độ kịp thời, chính xác và phục vụ nhanh chóng.

10. Ý kiến các thông tin thống kê nhà nước đã sử dụng có phù hợp với nhu cầu của người sử dụng thông tin

Trong số 260 người được tham vấn cho biết ý kiến của mình về các thông tin thống kê nhà nước đã sử dụng có hay không phù hợp với nhu cầu của người sử dụng thông tin. Kết quả ở Bảng 10 cho thấy có 252 người, chiếm 97% cho ý kiến thông tin thống kê đã sử dụng có phù hợp với nhu cầu sử dụng của họ.

Bảng 10. Tỷ lệ người sử dụng cho ý kiến về sự phù hợp với nhu cầu của người dùng tin

STT	Ý kiến	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Có	252	97
2	Không	8	3
Tổng		260	100

- **Ghi cụ thể các thông tin thống kê nhà nước chưa phù hợp với nhu cầu của người sử dụng:** Trong Bảng 10 cho thấy có 8 người có ý kiến thông tin thống kê đã sử dụng không phù hợp với nhu cầu của họ, trong đó có 7 người có trả lời cụ thể:
 - Số liệu chưa xác thực
 - Dữ liệu chưa đủ chi tiết
 - Thời gian ấn phẩm thông kê xuất bản quá muộn so với yêu cầu công việc
 - Còn thiếu thông tin về một số lĩnh vực như môi trường, tài chính ngân hàng.

Thông tin thứ cấp (bảng biểu) còn thiếu nhiều phân tổ mặc dù trong số liệu gốc có, ví dụ phân tổ về giới tính, dân tộc, độ tuổi, v.v... Nên tăng cường cung cấp rộng rãi số liệu gốc của các cuộc điều tra/tổng điều tra cho người sử dụng.

 - Một số chỉ tiêu chưa đồng nhất với quốc tế do vậy khó so sánh; phân tổ/nhóm chưa hợp lý; thời gian phổ biến chưa kịp thời; nội dung hầu như liệt kê, thiếu phân tích và hầu như không có khuyến nghị cụ thể
 - Chung chung

11. Các thông tin thống kê nhà nước đã sử dụng có chính xác và tin cậy

Kết quả trong Bảng 11, cho thấy có 256 người, chiếm 98% đánh giá thông tin thống kê nhà nước mà họ đã sử dụng đảm bảo chính xác và tin cậy. Có 4 người, chiếm

2% đánh giá thông tin thống kê nhà nước mà họ sử dụng không đảm bảo chính xác và tin cậy.

Bảng 11. Tỷ lệ người sử dụng cho ý kiến về thông tin thống kê có chính xác và tin cậy

STT	Ý kiến	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Có	256	98
2	Không	4	2
Tổng		260	100

• **Cụ thể các thông tin thống kê nhà nước chưa chính xác và tin cậy.** Theo kết quả tổng hợp ở trên có 4 người đánh giá thông tin thống kê nhà nước mà họ sử dụng không đảm bảo chính xác và tin cậy. Trong số có 3 người cho biết cụ thể như sau:

- Tương đối tin cậy. Một số số liệu không phù hợp (công bố quá cao hoặc quá thấp so thực tiễn quy mô công suất sản xuất công nghiệp
- Tôi cho rằng, các số liệu cần phải thu thập, phân tích và tổng hợp một cách khoa học, tránh trường hợp chỉ ước tính theo cảm tính. Ví dụ thống kê về lượt khách du lịch quốc tế, và trong nước viếng thăm từng địa phương là thiếu tin cậy.
- Chưa biết có tin cậy không

12. Các thông tin thống kê nhà nước đã sử dụng có kịp thời và đúng hạn

Kết quả trong Bảng 12 cho thấy có 243 người, chiếm 90% cho ý kiến đánh giá thông tin thống kê nhà nước đã sử dụng có kịp thời và đúng hạn. Có 26 người, chiếm 10% cho ý kiến đánh giá thông tin thống kê nhà nước đã sử dụng không kịp thời và không đúng đúng hạn.

Bảng 12. Tỷ lệ người sử dụng cho ý kiến về thông tin thống kê có kịp thời và đúng hạn

STT	Ý kiến	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Có	234	90
2	Không	26	10
Tổng		260	100

• **Cụ thể các thông tin thống kê nhà nước chưa kịp thời và đúng hạn.** Trong 26 người cho ý kiến đánh giá thông tin thống kê nhà nước đã sử dụng không kịp thời và đúng hạn, cụ thể như sau:

Nhìn chung các ý kiến tập trung phản ánh việc cung cấp thông tin còn chậm, chưa kịp thời, cụ thể:

- Số liệu công bố chưa đúng hạn; công bố muộn so với nhu cầu cần sử dụng ngay.

- Niên giám thống kê phát hành chính thức vào tháng 7 năm sau nên không thể có thông tin chính thức để phục vụ công việc
- GRDP cung cấp còn chậm so với yêu cầu, chưa chi tiết cụ thể từng nhóm ngành.
- Ấn phẩm niên giám thống kê hàng năm đến giữa năm sau mới có
- Niên giám thống kê thường phát hành mỗi năm. Đề xuất phát hành mỗi 6 tháng.
- Số liệu thường có chậm hơn 1 năm so với thực tế, ví dụ như dân số, nhân khẩu
- Niên giám thống kê, điều tra lao động việc làm...nếu kịp thời sẽ rất tốt
- Niên giám thống kê của tỉnh hàng năm thời điểm ban hành còn chậm và chưa kịp thời
- Thông tin về tài khoản quốc gia, dân số và nhà ở, đất đai và môi trường.... chưa có sự thống nhất và kịp thời, đúng thời điểm. Thông tin thống kê khi nhận được quá lạc hậu so hiện trạng...
- Kết quả Điều tra còn chậm công bố
- Kết quả tổng hợp và phân tích từ các cuộc điều tra thường xuyên chậm hơn các kỳ báo cáo của ngành
- Thông tin doanh nghiệp chậm
- Thống kê theo Quý, theo năm
- Các chỉ tiêu được thông báo công khai với độ trễ lâu.
- Các số liệu về cơ bản có độ trễ. Tuy nhiên, số liệu thống kê có độ trễ quá lớn như các báo cáo niên giám thống kê.
- Thông tin tăng trưởng hàng quý
- Đa số thông tin được cung cấp đúng hạn, tuy nhiên số liệu về mức sống dân cư cần được cung cấp nhanh hơn
- Thông tin phát triển loại hình kinh doanh từng Doanh nghiệp

13. Các thông tin thống kê nhà nước có dễ tiếp cận, rõ ràng và dễ hiểu

Kết quả trong Bảng 13 cho thấy, có 249 người, chiếm tỷ lệ 96% sử dụng thông tin thống kê đánh giá thông tin thống kê dễ tiếp cận, rõ ràng và dễ hiểu. Có 11 người, chiếm 4% đánh giá thông tin thống kê không dễ tiếp cận, không rõ ràng và không dễ hiểu.

Bảng 13. Tỷ lệ người sử dụng cho ý kiến về thông tin thống kê có dễ tiếp cận, rõ ràng và dễ hiểu

STT	Ý kiến	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Có	249	96
2	Không	11	4
Tổng		260	100

- Ghi cụ thể các thông tin thống kê nhà nước khó tiếp cận, chưa rõ ràng và khó hiểu.

Trong 11 người đánh giá thông tin thống kê không dễ tiếp cận, không rõ ràng và không dễ hiểu, có 7 người có ý kiến cụ thể như sau:

- Những thông tin phục vụ cho nghiên cứu chuyên sâu
- Không phổ biến, không dễ dàng tìm kiếm. Cần cập nhật số liệu một cách nhanh chóng giúp dễ dàng cho việc tiếp cận, tìm kiếm
- Cơ sở dữ liệu của Tổng cục Thống kê không tải về được, khó xem. Kiến nghị Tổng cục TK cần có tập huấn sử dụng, khai thác thông tin trên trang web
- Một số thông tin chuyên ngành kinh tế xã hội không công bố trên website
- Chi tiết giá trị sản xuất cho từng loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản
- Địa chỉ Website, bản giấy...
- Tôn giáo, phân loại tôn giáo

14. Các thông tin thống kê nhà nước đã sử dụng có đảm bảo tính chặt chẽ và khả năng so sánh.

Kết quả trong Bảng 14 cho thấy, có 254 người, chiếm 98% cho ý kiến đánh giá thông tin thống kê đã sử dụng đảm bảo tính chặt chẽ và khả năng so sánh. Có 6 người, chiếm 2% cho ý kiến đánh giá thông tin thống kê không đảm bảo tính chặt chẽ và không đảm bảo khả năng so sánh.

**Bảng 14. Tỷ lệ người sử dụng cho ý kiến
về thông tin thống kê có đảm bảo tính chặt chẽ và khả năng so sánh**

STT	Ý kiến	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Có	254	98
2	Không	6	2
Tổng		260	100

• **Ghi cụ thể các thông tin thống kê nhà nước chưa đảm bảo tính chặt chẽ và khả năng so sánh.** Trong 6 người cho ý kiến đánh giá thông tin thống kê không đảm bảo tính chặt chẽ và không đảm bảo khả năng so sánh, có 4 người cho ý kiến cụ thể:

- Có tính so sánh nhưng chưa chặt chẽ như số liệu năm 2020 của 5 năm 2016-2020 không khớp số liệu năm 2020 của kỳ báo cáo năm hoặc số liệu thực hiện lũy kế 11 tháng cao hơn số ước thực hiện năm của cùng 1 kỳ báo cáo (cùng thời điểm công bố)
- Mới so sánh thời điểm giữa các kỳ báo cáo nhưng chưa có so sánh với các nguồn thông tin thống kê khác
- Nếu so sánh với thống kê của nước ngoài thì số liệu thống kê của Việt Nam khó có khả năng so sánh và thiếu chặt chẽ. Tôi chỉ nhận xét theo những số liệu tiếp cận theo lĩnh vực nghiên cứu của mình ví dụ như: thống kê về du lịch ở bình diện quốc gia và các địa phương, thống kê về GDP, GNP và FDI

15. Các thông tin thống kê nhà nước đã sử dụng có phải là dữ liệu đặc tả (metadata)

Dữ liệu đặc tả là dữ liệu thống kê trong bối cảnh nhất định cho phép người dùng hiểu được các thuộc tính của nó: khái niệm, phương pháp tính, mức độ phân tổ, kỳ công bố, nguồn số liệu, cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp

Kết quả trong Bảng 15 cho thấy có 225 người, chiếm 87% cho ý kiến đánh giá về thông tin thống kê đã sử dụng là dữ liệu đặc tả. Có 35 người, chiếm 13% đánh giá thông tin thống kê đã sử dụng không là dữ liệu đặc tả.

Bảng 15. Tỷ lệ người sử dụng cho ý kiến về thông tin thống kê có phải là dữ liệu đặc tả (metadata)

STT	Ý kiến	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Có	225	87
2	Không	35	13
Tổng		260	100

• Ghi cụ thể các thông tin thống kê nhà nước không phải là dữ liệu đặc tả (metadata).

Trong 35 người đánh giá thông tin thống kê đã sử dụng không là dữ liệu đặc tả, có 10 người cho ý kiến cụ thể:

- Chưa thể hiện được mức độ liên kết giữa các nguồn dữ liệu một cách rõ ràng
- Các dữ liệu
- Dữ liệu doanh nghiệp
- Metadata là chuẩn mô tả đầy đủ các thông tin, bối cảnh dữ liệu, người tạo dữ liệu nên cần tất cả các thông tin dữ liệu phải có metadata đặc tả
- GDP, CPI, ...
- Như đã nói ở trước, số liệu thống kê của chúng ta trong một số lĩnh vực chưa phải dữ liệu đặc tả như: thu nhập bình quân đầu người, số lượt khách du lịch, đóng góp của ngành du lịch vào GDP...
- Đa số lĩnh vực
- Dân số bình quân trong năm; tỷ lệ dân số tăng tự nhiên trong năm
- GRDP, chỉ số sản xuất công nghiệp
- Sử dụng số liệu đơn thuần bằng excel

16. Người sử dụng tin có tin tưởng vào thông tin thống kê do thống kê Nhà nước phổ biến/cung cấp

Kết quả trong Bảng 16 cho thấy có 256 người, chiếm 98% có tin tưởng vào thông tin thống kê Nhà nước phổ biến/cung cấp. Có 4 người, chiếm 2% không tin tưởng vào thông tin thống kê Nhà nước phổ biến/cung cấp.

Bảng 16. Tỷ lệ người sử dụng tin tưởng vào thông tin thống kê Nhà nước phổ biến/cung cấp

STT	Ý kiến	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Có	256	98
2	Không	4	2
Tổng		260	100

• **Ghi cụ thể thông tin thống kê người sử dụng không tin tưởng.**

Trong 4 người không tin tưởng vào thông tin thống kê Nhà nước phổ biến/cung cấp. Có 4 người có ý kiến cụ thể như sau:

- Số liệu chưa thống kê đủ
- Chênh lệch về năng suất

17. Các tiêu chuẩn thống kê nhà nước

Kết quả trong Bảng 17 cho thấy, có 106 người, chiếm 41% biết về các tiêu chuẩn thống kê nhà nước. Có đến 154 người, chiếm 59% không biết về các tiêu chuẩn thống kê nhà nước.

Bảng 17. Tỷ lệ người sử dụng tin biết về các tiêu chuẩn thống kê nhà nước

STT	Ý kiến	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Có	106	41
2	Không	154	59
Tổng		260	100

18. Ghi cụ thể các tiêu chuẩn thống kê nhà nước:

Có 106 người biết về các tiêu chuẩn thống kê nhà nước và ghi cụ thể như sau:

• **Nhóm câu trả lời tập trung về các chiều tiêu chí chất lượng thống kê.** Có 38 câu trả lời tập trung chủ yếu:

- Chính xác và độ tin cậy, khoa học, kịp thời, đầy đủ
- Bảo đảm tính khách quan và tính công bằng; Tính minh bạch
- Trung thực
- Chất lượng thông tin.

- **Nhóm câu trả lời theo bộ tiêu chí chất lượng thông kê:** có 19 người trả lời theo nội dung của Quyết định số 01/2019/QĐ-TTg ngày 05/1/2019: theo đó có 19 tiêu chí chất lượng thống kê Việt Nam:

Bộ tiêu chí bao gồm 19 tiêu chí: 1- Quản lý hoạt động điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê; 2- Quản lý mối quan hệ với các bên liên quan; 3- Quản lý các tiêu chuẩn thống kê; 4- Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê; 5- Bảo đảm tính khách quan và tính công bằng; 6- Bảo đảm tính minh bạch; 7- Bảo đảm

tính bảo mật và an ninh thông tin thống kê; 8- Bảo đảm cam kết chất lượng thống kê; 9- Bảo đảm đầy đủ các nguồn lực cho hoạt động thống kê; 10- Bảo đảm tính đúng đắn của phương pháp luận thống kê; 11- Bảo đảm sự phù hợp giữa hiệu quả và chi phí; 12- Bảo đảm tính đúng đắn của việc thực hiện các chương trình thống kê; 13- Quản lý gánh nặng trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin; 14- Bảo đảm tính phù hợp; 15- Bảo đảm tính chính xác và độ tin cậy; 16- Bảo đảm tính kịp thời và tính đúng hạn; 17- Bảo đảm tính dễ tiếp cận, rõ ràng và dễ hiểu; 18- Bảo đảm tính chặt chẽ và tính so sánh; 19- Quản lý dữ liệu đặc tả thống kê.

- **Nhóm câu trả lời khác** (Có 44 câu trả lời)

- Chỉ tiêu thống kê quốc gia
- Tiêu chuẩn quy hoạch, khảo sát, trắc địa xây dựng
- Là cơ sở để đánh giá chất lượng thống kê, thực hiện trách nhiệm giải trình với các bên liên quan về thực trạng chất lượng và hiệu quả hoạt động thống kê nhà nước.
- Bảo đảm chất lượng sản phẩm thống kê
- Có đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện và hướng dẫn việc áp dụng các tiêu chuẩn thống kê;
- Thực hiện việc tổ chức tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê trong quá trình xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn thống kê;
- Có các tiêu chuẩn thống kê phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực;
- Quản lý các quy trình thống kê
- Quản lý các kết quả đầu ra thống kê
- Tiêu chuẩn quản lý kết quả đầu ra của thống kê
- Quản lý hoạt động thống kê
- Luật thống kê, Hệ thống chỉ tiêu các cấp
- Số liệu thống kê phải cung cấp đúng thời kỳ, thời điểm
- Dân số
- Thực hiện việc tổ chức tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê trong quá trình xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn thống kê
- Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội hàng tháng; Cuộc tổng điều tra dân số; tổng điều tra nông nghiệp nông thôn...
- Con số pháp lý
- Khái niệm, phương pháp tính, mức độ phân tổ, kỳ công bố, nguồn số liệu, cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp

- Ra quyết định bộ tiêu chí là cơ sở để đánh giá chất lượng thống kê. thực hiện trách nhiệm giải trình với các bên liên quan về thực trạng chất lượng và hiệu quả hoạt động cơ quan quản lý nhà nước

- GDP, GNI
- Lấy mẫu
- Niên giám thống kê, bản tin hàng tháng
- 7 tiêu chuẩn
- TCVN 9599:2013
- TCVN 9599:2013 ISO 21747:2006
- TCVN 4604:2012
- Tiêu chí về Biên soạn tài liệu, đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ và kỹ năng đánh giá chất lượng báo cáo thống kê, công bố số liệu theo đúng lịch phổ biến thông tin thống kê
 - Thống kê báo cáo tháng, quý, năm
 - Tiêu chí về biên soạn tài liệu
 - Là cơ sở để đánh giá chất lượng thống kê, thực hiện trách nhiệm giải trình với các bên liên quan về thực trạng chất lượng và hiệu quả hoạt động thống kê nhà nước
 - Đảm bảo cơ sở dữ liệu cần thiết cho các đối tượng dùng tin
 - Quản lý mối quan hệ với các bên liên quan
 - Cung cấp số liệu kịp thời nhanh chóng và chính xác
 - Niên giám thống kê,...
 - Diện tích và cơ cấu đất. Lao động, việc làm và bình đẳng giới. Đầu tư, xây dựng. Tiền tệ và bảo hiểm. Y tế và chăm sóc sức khỏe. Giao thông vận tải. Công nghệ và truyền thông. Bảo vệ môi trường...
 - Dữ liệu thống kê qua điều tra, hồ sơ hành chính; trung thực, khách quan
 - Tiêu chuẩn thống kê là một bộ tài liệu do cơ quan thống kê Trung ương ban hành, là tài liệu cung cấp khái niệm, định nghĩa, phương pháp luận, trình tự thủ tục cho từng biến dữ liệu thống kê theo từng lĩnh vực nhằm đạt được một cách xử lý thống nhất về các vấn đề thống kê trong một hoặc nhiều chương trình thống kê, điều tra thống kê, qua thời gian và không gian. Khung tiêu chuẩn thống kê là khung ma trận gồm 2 phần: Chiều ngang với các cầu phần tiêu chuẩn thống kê và Chiều dọc tiêu chuẩn thống kê được phân theo lĩnh vực/hoạt động thống kê.
 - Thống kê các chỉ tiêu kinh tế xã hội, trong đó có ngành Nông nghiệp.
 - Thống kê thu nhập bình quân đầu người, GRGP
 - Tiêu chuẩn thống kê theo chiều ngang và theo chiều dọc phân theo lĩnh vực/hoạt động thống kê

19. Các tiêu chuẩn thống kê nhà nước hiện nay có phù hợp với các tiêu chuẩn thống kê quốc tế

Trong Câu số 20, số người trả lời là 106 người. Trong đó, có 102 người, chiếm 96% số người trả lời cho ý kiến đánh giá các tiêu chuẩn thống kê nhà nước hiện nay phù hợp với các tiêu chuẩn thống kê quốc tế. Có 4 người, chiếm 4% đánh giá không phù hợp với các tiêu chuẩn thống kê quốc tế.

Bảng 19. Tỷ lệ người sử dụng tin đánh giá các tiêu chuẩn thống kê nhà nước hiện nay có phù hợp với các tiêu chuẩn thống kê quốc tế

STT	Ý kiến	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Có	102	96
2	Không	4	4
Tổng		106	100

- **Ghi cụ thể các tiêu chuẩn thống kê nhà nước hiện nay không phù hợp với các tiêu chuẩn thống kê quốc tế**

Trong 4 người đánh giá tiêu chuẩn thống kê nhà nước hiện nay không phù hợp với các tiêu chuẩn thống kê quốc tế, có 3 người có ý kiến cụ thể:

- Tương đối phù hợp.
- Một số chỉ tiêu về thu nhập bình quân đầu người và kim ngạch xuất nhập khẩu còn có nhiều chênh lệch giữa tiêu chuẩn trong nước và quốc tế.
- Số liệu chưa được sử dụng triệt để

20. Các quy trình sản xuất thông tin thống kê nhà nước

Bảng 20 cho thấy có 99 người được hỏi, chiếm 38,1% (có số ít) biết quy trình sản xuất thông tin thống kê nhà nước. Có đến 161 người được hỏi, chiếm 61,9% không biết quy trình sản xuất thông tin thống kê.

Bảng 20. Tỷ lệ người sử dụng tin đánh giá các quy trình sản xuất thông tin thống kê nhà nước

STT	Ý kiến	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Có	99	38,1
2	Không	161	61,9
Tổng		260	100

21. Các quy trình sản xuất thông tin thống kê nhà nước có phù hợp với các quy trình sản xuất thông tin thống kê của quốc tế

Kết quả trong Bảng 20 cho thấy chỉ có 99/313 người (đạt tỷ lệ 31,6%) trả lời câu hỏi này. Trong đó có 93 người, chiếm 94% số người trả lời đánh giá có phù hợp với các

quy trình sản xuất thông tin thống kê của quốc tế. Có 6 người, chiếm 6% đánh giá không phù hợp với các quy trình sản xuất thông tin thống kê của quốc tế.

Bảng 21. Tỷ lệ người sử dụng tin đánh giá các quy trình sản xuất thông tin thống kê nhà nước có phù hợp với các quy trình sản xuất thông tin thống kê của quốc tế

STT	Ý kiến	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Có	93	94
2	Không	6	6
Tổng		99	100

• **Ghi cụ thể các quy trình sản xuất thông tin thống kê nhà nước không phù hợp với các quy trình sản xuất thông tin thống kê của quốc tế**

Trong 6 người đánh giá quy trình sản xuất thông tin của Việt Nam không phù hợp với các quy trình sản xuất thông tin thống kê của quốc tế, có 3 người trả lời cụ thể như sau:

- Gần phù hợp
- Phổ biến số liệu sau khi thu thập còn hạn chế, tuyên truyền chưa rộng về số liệu thống kê đó

22. Sử dụng tài liệu hướng dẫn về thống kê cho người sử dụng

Kết quả cho thấy trong 269 người trả lời có 110 người, chiếm 42% đánh giá đã sử dụng tài liệu hướng dẫn về thống kê. Có 159 người, chiếm 58% đánh giá không sử dụng tài liệu hướng dẫn về thống kê.

Bảng 22. Tỷ lệ người sử dụng tin sử dụng tài liệu hướng dẫn về thống kê

STT	Ý kiến	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Có	110	42
2	Không	150	58
Tổng		260	100

• **Ghi cụ thể tên tài liệu hướng dẫn về thống kê cho người sử dụng.** Trong 110 người trả lời có biết tài liệu hướng dẫn về thống kê, Có 40 người ghi cụ thể:

- Niên giám thống kê (5 câu)
- Hướng dẫn điều tra doanh nghiệp (4 câu)
- Luật Thống kê, Nghị định 94, 95, 97 năm 2016 của Chính Phủ (3 câu)
- Tạp chí con số và sự kiện; niên giám thống kê, các chỉ tiêu phân tích thống kê
- Các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ cho các cuộc điều tra, danh mục các chỉ tiêu thống kê SDG và meta data
- Các thuật ngữ thống kê

- Từ điển thống kê
- Website Bộ Công Thương, Cục Thống kê, Tổng Cục Thống kê, Sách chuyên đề về thống kê của các chuyên gia thuộc các trường Đại học và Cục Thống kê Tp. HCM
- Website của Tổng cục Thống kê
- Tìm hiểu trên Internet
- Tờ gấp
- Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã (2 câu)
- Phiếu thu thập thông tin Tính xác suất thống kê
- Tài liệu hướng dẫn về thống kê, kiểm kê đất đai
- Thông kê về dân số, lực lượng lao động (2 câu)
- Hướng dẫn điều tra thu thập thông tin điều tra nông nghiệp nông thôn, dân số và nhà ở (2 câu)
- VHLSS
- Thống kê cơ sở vật chất trường học
- Quyết định số 01/2019/QĐ-TTg ngày 05/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030 (2 câu)
- Phần mềm thống kê
- Phần chú thích, diễn giải trong tài liệu thống kê
- Kiến thức thống kê dành cho cán bộ, công chức lãnh đạo quản lý
- Bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê viên
- Đã quên, không nhớ (3 câu)

23. Phổ biến các tài liệu hướng dẫn về thống kê cho người sử dụng

Kết quả trong Bảng 23 cho thấy có 178 người cần phổ biến tài liệu hướng dẫn về thống kê cho người sử dụng. Có 82 người không cần phổ biến tài liệu hướng dẫn cho người sử dụng.

Bảng 23. Tỷ lệ người sử dụng cần phổ biến tài liệu hướng dẫn về thống kê cho người sử dụng

STT	Ý kiến	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Có	178	68.5
2	Không	82	31.5
Tổng		260	100

- **Ghi cụ thể tên tài liệu hướng dẫn về thống kê cho người sử dụng cần phổ biến**

Trong 178 người cần phổ biến tài liệu hướng dẫn về thống kê cho người sử dụng, có 111 người ghi cụ thể dưới đây:

- **Nhóm tài liệu niên giám thống kê cần phổ biến cho người sử dụng:** Có 6 câu trả lời:

- Niên giám thống kê, các ấn phẩm chuyên ngành thống kê
- Hướng dẫn hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia/địa phương
- **Nhóm tài liệu hướng dẫn người sử dụng thông tin cần phổ biến cho người**

sử dụng: Có 9 câu trả lời

- Tài liệu hướng dẫn về thống kê cho người sử dụng (3 câu)
- Hướng dẫn cách sử dụng và phân tích số liệu
- Sách tham khảo sử dụng số liệu thông tin thống kê
- Hướng dẫn cách tiếp cận, khai thác dữ liệu của GSO
- Hướng dẫn cách thu thập, xử lý tài liệu thống kê, hướng dẫn các xác định, đọc

hiểu số liệu thống kê

- Tài liệu hướng dẫn thống kê phân tích số liệu định hướng
- Sổ tay hướng dẫn người sử dụng

- **Nhóm tài liệu theo lĩnh vực cần phổ biến cho người sử dụng:** Có 44 câu trả lời

- Cách thức; phương pháp chi tiết tính tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh dựa trên các ngành; lĩnh vực

- Phương pháp tính về các chỉ số: Tốc độ tăng trưởng GDP; GRDP; Chỉ số giá; Giá trị sản phẩm; Giá trị sản xuất (2 câu)

- Cách tính các chỉ tiêu GRDP và chỉ số sản xuất, giá trị sản xuất công nghiệp (2 câu)

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê, Hệ thống tài khoản quốc gia...

- Tài liệu hướng dẫn về thống kê báo cáo KTXH tháng, năm của quốc gia, tỉnh (4 câu)

- Khái niệm, phương pháp và cách tính, phương pháp thu thập các chỉ tiêu thống kê quốc gia, tỉnh, huyện, xã, bộ ngành (10 câu)

- Tài liệu Số liệu thống kê kinh tế - Xã hội Việt Nam (3 câu)

- Tài liệu hướng dẫn khái niệm, ý nghĩa của các chỉ tiêu về kinh tế xã hội

- Phương pháp tính các chỉ số, chỉ số tổng hợp thống kê (2 câu)

- Thống kê về nông nghiệp, nông thôn, lâm nghiệp, thủy sản (2 câu)

- Về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư

- Tài liệu hướng dẫn phần mềm tra cứu các doanh nghiệp xuất khẩu ngành chế biến gỗ kim ngạch xuất, nhập khẩu

- Cho các cơ quan đơn vị, doanh nghiệp, người sản xuất...

- Kết quả hoạt động kinh doanh

- Video Hướng dẫn Thu thập thông tin Doanh nghiệp 2020

- Dân số, tài nguyên môi trường

- Tài liệu hướng dẫn về nguồn nhân lực đang hoạt động trong các loại hình doanh nghiệp.

- Tính chi tiết giá trị gia tăng các lĩnh vực công nghiệp; nông nghiệp; dịch vụ tỉnh.
- Bộ Tiêu chí chất lượng thống kê - Công cụ đánh giá, xếp hạng chất lượng thống kê của các cơ quan thống kê Nhà nước (2 câu).
- Phương pháp lấy mẫu và phương pháp phân tích.
- Thống kê chất lượng giáo dục.
- Sách.
- Ví dụ như hướng dẫn về thống kê y tế. Về thống kê Xây dựng và đầu tư..
- Tài liệu hướng dẫn về thống kê: kinh tế, văn hóa xã hội, y tế, giáo dục...
- Kết quả điều tra dân số và nhà ở.
- Dân số; KT-XH.
- Hướng dẫn đánh giá tình hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn.
- **Nhóm tài liệu khác cần phổ biến cho người sử dụng:**
 - Xác suất thống kê
 - Cung cấp số liệu thống kê
 - Cách trích dẫn số liệu thống kê
 - Đăng trên website tổng cục thuế
 - Các phương pháp, kỹ năng thu thập, xử lý, phân tích thống kê (5 câu)
 - Các khái niệm, lịch công bố, phương pháp tính toán
 - Quy định các số liệu được công bố
 - Các chỉ tiêu thống kê cần đưa ra định nghĩa, khái niệm, cách tính toán để người sử dụng hiểu được sự khác nhau giữa các số liệu thống kê, và biết cách phiên giải số liệu
 - Phiếu điều tra
 - Cách tìm kiếm số liệu thống kê
 - Cẩm nang thống kê
 - Điều tra nội dung gì thì nên có bảng hướng dẫn đi kèm.
 - Hướng dẫn cách ghi phiếu điều tra (2 câu)
 - Tất cả, số liệu thống kê nào cũng có sự đặc tả và hướng dẫn sử dụng
 - Rất nhiều, tùy từng nhu cầu loại đối tượng
 - Luật Thống kê, Nghị Định 94, 95, 97 năm 2016 của Chính Phủ (2 câu)
 - Trên web
 - Phân chú thích và diễn giải nêu trong ấn phẩm niên giám thống kê
 - Giáo trình hướng dẫn sử dụng phần mềm thống kê
 - Các ấn phẩm của TCTk
 - Câu hỏi không được rõ lắm. Nhìn chung, đối với mỗi ấn phẩm hoặc số liệu cung cấp, người sử dụng cần metadata. Các quy trình sản xuất số liệu thống kê, hướng dẫn tiếp cận số liệu thống kê, thời hạn công bố báo cáo, v.v... cần được công bố rõ ràng và rộng rãi.
 - Hướng dẫn báo cáo thống kê, cách tra cứu số liệu thông kê

- Cách thức muốn lấy 1 kết quả cuộc điều tra lớn
- Hướng dẫn cơ quan tổ chức tiếp cận và sử dụng số liệu thống kê
- Từ điển hay từ chuẩn thống kê;
- Phần mềm hướng dẫn thống kê các ngành có liên quan
- Thông tư 37/2019/TT-BYT; Thông tư 37/2019/TT-BYT
- Sổ tay thống kê
- Tài liệu hướng dẫn về thống kê số liệu " ước - sơ bộ - chính thức" sát với tình hình thực tế địa phương.

- Các quy định của pháp luật thống kê, đề án... Các tham luận báo cáo về đổi mới công tác thống kê, áp dụng công nghệ thông tin trong xử lý điều tra thu thập đánh giá phân tích chất lượng thông tin thống kê Các quy trình điều tra thống kê định kỳ, hàng năm do nhà nước thực hiện Thống kê ngoài nhà nước và những vấn đề liên quan Thống kê nước ngoài và các nước trong khu vực...

24. Dịch vụ hỗ trợ người dùng tin của cơ quan thống kê nhà nước

Kết quả trong Bảng 24 cho thấy có 221 người cần có dịch vụ hỗ trợ người dùng tin. Có 39 người, chiếm 15% không cần dịch vụ hỗ trợ người dùng tin cho người sử dụng.

Bảng 24. Tỷ lệ người sử dụng cần hỗ trợ dịch vụ cho người dùng tin

STT	Ý kiến	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Có	221	85
2	Không	39	15
Tổng		260	100

25. Hình thức mong muốn được hỗ trợ thông tin thống kê

Có 220 người trả lời/313 người được tham vấn, đạt 70.3%. Kết quả Bảng 25 cho thấy số người mong muốn hỗ trợ bằng hình thức “Tổng đài” là 103 người, chiếm 46.8%; hỗ trợ “Chat box” là 58 người, chiếm 26.4%.

Bảng 25. Số người hỗ trợ thông tin thống kê chia theo hình thức mong muốn

STT	Ý kiến	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Tổng đài hỗ trợ (hotline)	103	46.8
2	Chat box	58	26.4
3	Hỗ trợ trực tiếp tại văn phòng,...	45	20.5
4	Mục khác:	14	6,4
Tổng		220	100

26. Cơ quan thống kê nhà nước cung cấp dữ liệu thống kê vi mô (dữ liệu gốc)

Kết quả trong Bảng 26 cho thấy có 217 người, chiếm 83.5% mong muốn được cung cấp dữ liệu vi mô. Có 43 người, chiếm 16.5% không mong muốn được cung cấp dữ liệu vi mô.

Bảng 26. Tỷ lệ người sử dụng muốn được cung cấp dữ liệu vi mô

STT	Ý kiến	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Có	217	83.5
2	Không	43	16.5
Tổng		260	100

27. Thu phí để được cung cấp dữ liệu thống kê vi mô (dữ liệu gốc)

Kết quả trong Bảng 27 cho thấy có 109 người, chiếm 42% muốn thu phí để được cung cấp dữ liệu vi mô. Có 151 người, chiếm 58% không muốn thu phí để được cung cấp dữ liệu vi mô.

Bảng 27. Tỷ lệ người sử dụng muốn thu phí để được cung cấp dữ liệu vi mô

STT	Ý kiến	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Có	109	42
2	Không	151	58
Tổng		260	100

28. Tỷ lệ đồng ý hay không đồng ý về một số hạn chế trong cung cấp/phổ biến thông tin thống kê hiện nay của thống kê nhà nước

Kết quả trong Bảng 28 cho thấy mức độ đồng ý về 11 hạn chế của Thống kê Việt Nam hiện nay đạt từ 55% đến 67%. Kết quả này cho thấy tỷ lệ những người trả lời tham vấn đồng ý về các hạn chế chưa phải ở mức độ cao.

Bảng 28. Tỷ lệ đồng ý hay không đồng ý về một số hạn chế của Thống kê Việt Nam hiện nay

Hạn chế cơ bản trong cung cấp thông tin thống kê	Ý Kiến		Tỷ lệ	
	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)
1. Phổ biến/công bố kết quả các cuộc điều tra/tổng điều tra chưa kịp thời	178	135	57	43
2. Một số chỉ tiêu chưa được phân tổ chi tiết	210	103	67	33

Hạn chế cơ bản trong cung cấp thông tin thống kê	Ý Kiến		Tỷ lệ	
	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)
3. Một số chỉ tiêu chưa đủ độ dài về thời gian	171	142	55	45
4. Chưa có văn bản hướng dẫn quy trình tiếp cận thông tin thống kê cho người sử dụng	207	106	66	34
5. Chưa có quy định cụ thể về cung cấp dịch vụ thông tin thống kê đối với người sử dụng thông tin	214	99	68	32
6. Chưa có đơn vị hỗ trợ người sử dụng	216	97	69	31
7. Chưa có Ủy ban/tổ chức tương tự cho người sử dụng thông tin thống kê	210	103	67	33
8. Cơ sở dữ liệu đặc tả (metadata) chưa đầy đủ	190	123	61	39
9. Phổ biến thông tin thống kê chưa tương xứng với nguồn dữ liệu sẵn có	205	108	65	35
10. Việc phổ biến thông tin thống kê chưa được chuyển đổi số	208	105	66	34
11. Việc tiếp cận thông tin thống kê còn khó khăn	183	130	58	42

- **Ngoài các hạn chế đã ở Câu 29, một số hạn chế ghi cụ thể thêm:**
 - Chưa phổ biến sâu rộng đến các đơn vị người dùng tin
 - Phát hành niên giám thống kê chậm so với yêu cầu
 - Chưa có số liệu để đánh giá kinh tế - xã hội cấp huyện
 - Kết quả thống kê đến người dân còn chậm (4 câu)
 - Các chỉ tiêu thống kê chưa đồng bộ giữa các cấp, đối với cấp tỉnh chưa có hướng dẫn xác định chỉ tiêu CPI và thu nhập bình quân đầu người
 - Ngoài việc chia sẻ dữ liệu theo ngành dọc, cần có cơ chế chia sẻ thông tin dữ liệu cho các cơ quan trong cùng lĩnh vực và cùng địa phương
 - Khả năng tiếp cận dữ liệu
 - Chưa công bố số liệu so sánh các địa phương
 - Doanh nghiệp chỉ gửi báo cáo năm/năm
 - Chưa đầy đủ để đáp ứng một cách đầy đủ
 - Độ tin cậy không cao trong số liệu chỉ số thống kê cấp tỉnh, huyện
 - Một số thông tin chuyển đổi qua các thời kỳ theo chuẩn mới chưa đồng nhất
 - Số liệu thống kê còn có độ chênh lệch giữa số liệu cung cấp của các ban, ngành, đơn vị

- Việc công bố số liệu thống kê chậm hơn so với thời gian báo cáo định kỳ của cơ quan chuyên ngành, gây khó khăn trong việc phân tích số liệu.
- Cần tuyên truyền và phổ biến sâu rộng hơn về công tác thống kê
- Không biết tiếp cận với thông tin thống kê thế nào nên chỉ có thể trả lời chính xác các câu hỏi số 4, 5 và 11. Các câu hỏi khác chỉ tích vào theo đúng yêu cầu.
- Có đơn vị hỗ trợ người sử dụng thông tin thống kê
- Do chưa có nhu cầu về nên chưa biết rõ về phổ biến thông tin của ngành thống kê
- Khả năng tìm kiếm thông tin thống kê chưa cao, cần có 1 kênh duy nhất chính thống về nguồn dữ liệu thống kê của Nhà nước
- Chưa được hướng dẫn cập nhật
- Thường xuyên đưa thông tin lên truyền hình, truyền thanh quốc gia
- Việc xác định đơn vị chủ lực để phân bổ tính toán một số chỉ tiêu thống kê kinh tế xã hội còn chưa phản ánh đúng thực tế tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế tại một số địa phương
- Chưa tiếp cận được các số liệu thống kê chi tiết, để có thể đánh giá, so sánh số liệu giữa Tổng cục thống kê công bố với Cục thống kê tỉnh tính (GRDP giữa Tổng cục công bố và CTK tỉnh tính luôn có sự chênh lệch).
- Tính kịp thời
- Công tác đổi mới thống kê quá chậm, không đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội

29. Mong muốn thống kê nhà nước đổi mới như thế nào để phục vụ người sử dụng thông tin thống kê tốt hơn trong giai đoạn 2021-2030

- **Nhóm câu trả lời mong muốn về phổ biến.** Có 24 câu trả lời
- Nên ban hành sớm ấn phẩm thống kê để phục vụ người sử dụng được tốt hơn
- Công bố số liệu thống kê (trên Web) hàng tháng, hàng quý sớm hơn (3 câu)
- Hạn chế việc hiệu chỉnh số liệu qua các năm
- Mong muốn nhận được thông tin thống kê hàng tháng qua email của doanh nghiệp
- Sau khi có kết quả thống kê thì mong muốn Cục thống kê nên gửi tin nhắn đến số điện thoại của từng người dân để mọi người được biết
- Cập nhật lên trang web để doanh nghiệp dễ tiếp cận, có các hướng dẫn sử dụng cụ thể.
- Thông tin thống kê cần được chuyển đổi số để người sử dụng dễ tiếp cận và sử dụng thông tin
- Tiếp tục cung cấp rộng rãi các thông tin thống kê, số liệu các cuộc điều tra, Tổng điều tra cho người dùng tin khác nhau. Cung cấp miễn phí, chuyển đổi số trong cung cấp số liệu cho người sử dụng (11 câu).
- Cần công khai dữ liệu điều tra để người dân (có nhu cầu) có thể khai thác, sử dụng, phát huy được hiệu quả, giá trị đã được ngân sách đầu tư.
- Việc tra cứu thông tin thống kê dễ dàng hơn, có thể qua Website mất phí,...

- Tận dụng nguồn lưu trữ số để tối đa hoá cho người cần sử dụng qua các công thông tin chính thống.

- Nên đưa số liệu thống kê hằng năm lên trang website của Tổng Cục thống kê để người sử dụng thông tin tra cứu (2 câu)

• **Nhóm mong muốn đưa ra các giải pháp công nghệ thông tin.** Có 5 câu trả lời

- Tăng cường áp dụng công nghệ TT

- Điện tử

- Đẩy mạnh công tác Ứng dụng mạnh Công nghệ thông tin vào công tác Chuyển đổi số Thống kê

- Thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu đặc tả các ngành lĩnh vực qua số hóa, điện tử giúp người dùng dễ dàng truy cập, tìm hiểu

- Số hóa, có dữ liệu so sánh các địa phương

• **Nhóm câu trả lời mong muốn về cung cấp nhanh và chính xác:**

Có 8 câu trả lời về: Số liệu thống kê cung cấp nhanh, chính xác, kịp thời, đầy đủ, độc lập, nhiều kênh tiếp cận.

• **Nhóm câu trả lời mong muốn khác.** Có 14 câu trả lời

- Hướng dẫn về thống kê cho người sử dụng, cập nhật kịp thời số liệu thống kê

- Cần mở rộng giao tiếp để người dùng tin hiểu hơn về Luật Thống kê;

- Nghiên cứu bổ sung các chỉ tiêu thống kê cụ thể cấp tỉnh về tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, kinh tế số, môi trường,... phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND cấp tỉnh.

- Có giải pháp quyết liệt hơn để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chi cục thống kê cấp cơ sở

- Tăng cường tuyên truyền cho các doanh nghiệp và người dân hiểu về quy trình của cơ quan (2 câu)

- Tổ chức công bố chỉ tiêu tổng sản phẩm địa phương GRDP hàng năm trước ngày 25 tháng 11 hàng năm

- Số liệu thống kê tiền tệ cần đầy đủ hơn

- Quan điểm cá nhân tôi cho rằng Tổng Cục thống kê cần thiết xem xét áp dụng các nền tảng công nghệ mới như blockchain, bigdata vào trong lĩnh vực thống kê, lưu trữ. Một số lĩnh vực đặc thù (ví dụ như ngành du lịch...) cần có các tiêu chuẩn cụ thể để nâng cao độ chuẩn xác và tin cậy. Đồng thời, cần cung cấp thông tin chính xác, kịp thời và khách quan cho các cấp chính quyền từ trung ương tới địa phương theo chuẩn quốc tế.

- Khắc phục các hạn chế đã nêu trên

- Hướng dẫn quy trình tiếp cận thông tin thống kê cho người sử dụng, tạo điều kiện thuận lợi để người sử dụng dễ dàng tiếp cận thông tin thống kê. Phân tích rõ hơn các số liệu thống kê

- Đảm bảo độc lập và chịu trách nhiệm về tính độc lập, khách quan trong số liệu thống kê. Công khai nguồn thông kê rộng rãi.
- Thông tin thống kê đáp ứng được nhu cầu sử dụng thông tin
- Có trích dẫn một số phương pháp tính toán các chỉ số mà ngành nông nghiệp không có cơ sở tính toán

Tóm lại: Qua kết quả tham vấn cho thấy: người dùng tin thường sử dụng các sản phẩm là niên giám, báo cáo, các ấn phẩm kết quả các cuộc điều tra. Hình thức người sử dụng thông tin chủ yếu thông qua trang Website và các ấn phẩm. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu của người sử dụng thông tin, Thống kê Việt Nam cần tăng cường số hóa trong các hoạt động sản xuất thông tin để cung cấp, phổ biến nhanh hơn trên Website và các ấn phẩm điện tử. Đặc biệt, cần phổ biến nhanh hơn dữ liệu thống kê hàng năm, kết quả các cuộc điều tra, Tổng điều tra. Để người dùng tin tin tưởng và yên tâm sử dụng thông tin, Thống kê Việt Nam cần xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, quy trình thống kê để phổ biến, đảm bảo chất lượng thông tin thống kê cung cấp là chính xác, tạo niềm tin với người sử dụng; tăng cường phổ biến các tài liệu hướng dẫn người dùng tin, kèm theo hướng dẫn các công cụ phân tích. Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu phân tích chuyên sâu của người dùng tin, cần tăng cường phân tổ, cung cấp dữ liệu vi mô cho người dùng tin (họ cung cấp và yêu cầu được biết được sử dụng); tăng cường suy rộng kết quả điều tra cho cấp huyện; quan tâm hỗ trợ người dùng tin thông qua tổng đài. Tổng cục Thống kê hướng tới cung cấp thông tin thống kê trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời, minh bạch và dễ tiếp cận.

III. KẾT QUẢ THAM VẤN NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN THỐNG KÊ

Báo cáo kết quả tham vấn người cung cấp được tổng hợp ngắn gọn, súc tích, theo thứ tự các câu hỏi trong phiếu, Kết quả cụ thể dưới đây:

1. Số lượng người trả lời tham vấn chia theo 3 nhóm đối tượng

Đến thời điểm 30/12/2020, phiếu tham vấn đối tượng cung cấp thông tin (Phiếu 04) thu được 511 phiếu trả lời, được chia làm 3 nhóm đối tượng: Người dân/hộ gia đình chiếm tỷ lệ lớn nhất, 44,2%; doanh nghiệp 37,8% và Cơ quan nhà nước chiếm 18,0%.

Bảng 1. Số lượng người trả lời tham vấn chia theo nhóm đối tượng

STT	Đối tượng cung cấp thông tin	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Người dân/hộ gia đình	226	44.2
2	Doanh nghiệp	193	37.8
3	Cơ quan nhà nước	92	18
Tổng số		511	100

2. Tần suất cung cấp thông tin cho cơ quan thống kê nhà nước trong 12 tháng qua.

Trong 511 người trả lời cho thấy trong 12 tháng qua có: 24 người, chiếm 4.7% chưa cung cấp thông tin; 171 người, chiếm 33.5% cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước 1 lần; 111 người, chiếm 21,7% cung cấp thông tin cho nhà nước 2 lần; 109 người, chiếm 21,3% cung cấp thông tin cho nhà nước 3 lần. Cuối cùng có 96 người, chiếm 18.8% cung cấp thông tin nhiều hơn 3 lần.

**Bảng 2. Tần suất cung cấp thông tin
cho cơ quan thống kê nhà nước trong 12 tháng qua**

STT	Số lần cung cấp thông tin trong năm (lần)	Số người	Tỷ lệ (%)
1	0	24	4.7
2	1	171	33.5
3	2	111	21.7
4	3	109	21.3
5	> 3	96	18.8
Tổng số		511	100

3. Đánh giá mức độ cung cấp thông tin

Trong 511 người trả lời tham vấn về việc tần suất cung cấp thông tin trong 12 tháng qua và đánh giá mức độ cung cấp thông tin theo 3 mức độ trong Bảng 3 dưới đây:

Có 105 người, chiếm 20,5% cho biết mức độ cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước là ít, tương ứng đánh giá mức bình thường có 345 người, chiếm 67,5%; đánh giá mức độ cung cấp nhiều có 61 người, chiếm 11,9%.

Bảng 3. Đánh giá mức độ cung cấp thông tin

STT	Mức độ cung cấp thông tin	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Ít	105	20,5
2	Bình thường	345	67.5
3	Nhiều	61	11,9
Tổng số		511	100

4. Hình thức cung cấp thông tin thống kê nhà nước

Trong số 511 người tham vấn lựa chọn 827 hình thức cung cấp thông tin cho thấy: hình thức cung cấp qua phiếu giấy chiếm tỷ lệ lớn nhất là 28%, tiếp đến là hình thức phiếu điện tử chiếm 22,5%, chiếm tỷ lệ 3,3% ít nhất là hình thức khác (gửi mail, gửi văn bản, báo cáo...)

**Bảng 4. Số lượt người lựa chọn phương án trả lời
chia theo hình thức cung cấp thông tin**

STT	Hình thức cung cấp thông tin thống kê	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Sử dụng phiếu giấy để phỏng vấn/ghi phiếu	232	28
2	Sử dụng máy tính bảng, điện thoại thông minh để phỏng vấn/ghi phiếu...	177	21,4
3	Phỏng vấn qua điện thoại	68	8,2
4	Tự điền vào phiếu giấy	137	16,6
5	Tự điền vào phiếu điện tử (Sử dụng máy tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh để tự ghi phiếu)	186	22,5
6	Hình thức khác (báo cáo, gửi văn bản, mail...)	27	3,3
Tổng số		827	100

5. Mong muốn cung cấp thông tin cho cơ quan thống kê nhà nước thông qua các hình:

Trong số 522 người tham vấn muốn 721 hình thức cung cấp thông tin trong Bảng 5 cho thấy, số lượt người mong muốn được cung cấp thông tin cho cơ quan thống kê nhà nước theo hình thức “Tự điền vào phiếu điện tử” chiếm tỷ lệ cao nhất với 253 người lựa chọn, chiếm 35,1%; tiếp đến là hình thức “Điều tra viên sử dụng máy tính bảng, điện thoại thông minh” với 195 người lựa chọn, chiếm 27,1%; đứng thứ 3 là hình thức “Điều tra viên sử dụng phiếu giấy” chiếm 15,3%.

**Bảng 5. Số lượt người mong muốn lựa chọn
theo các hình thức cung cấp**

STT	Hình thức mong muốn cung cấp thông tin thống kê	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Sử dụng phiếu giấy để phỏng vấn/ghi phiếu	110	15,3
2	Sử dụng máy tính bảng, điện thoại thông minh để phỏng vấn/ghi phiếu...	195	27,1
3	Phỏng vấn qua điện thoại	76	10,5
4	Tự điền vào phiếu giấy	73	10,1
5	Tự điền vào phiếu điện tử (Ông/Bà sử dụng máy tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh để tự ghi phiếu)	253	35,1
6	Hình thức khác (báo cáo, gửi văn bản, mail...)	14	1,9
Tổng số		721	100

6. Đánh giá mức độ thân thiện của phiếu điều tra

Theo kết quả trong Bảng 6 có đến 85,7% số người trả lời các mẫu phiếu đã tham gia cung cấp là thân thiện, đây là một tỷ lệ cao.

Bảng 6. Số người đánh giá mức độ thân thiện của phiếu điều tra chia theo 3 mức độ

STT	Ý kiến	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Có	438	85.7
2	Không	16	3,1
3	Không biết	57	11,2
Tổng số		511	100

7. Phiền toái trong việc cung cấp thông tin cho cơ quan thống kê nhà nước

Theo kết quả tham vấn trong Bảng 7 dưới đây cho thấy số người gặp phiền toái trong việc cung cấp thông tin thống kê có 60 người, chỉ chiếm 11,7 %.

Bảng 7. Tỷ lệ đánh giá về phiền toái trong việc cung cấp thông tin thống kê

STT	Ý kiến	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Có	60	11,7
2	Không	451	88,3
Tổng		511	100

8. Những phiền toái trong việc cung cấp thông tin cho cơ quan thống kê nhà nước

Có 60 người tham vấn cho ý kiến lựa chọn 153 vấn đề phiền toái trong Bảng 8 dưới đây. Kết quả cho thấy có 30 người đánh giá cảm thấy phiền toái nhất là “Thời gian trả lời phiếu dài” “Nội dung thông tin cung cấp nhiều”; cảm thấy phiền toái thứ 2 là “Sợ lộ thông tin” có 27 người cho ý kiến.

Bảng 8. Số người cảm thấy phiền toái trong việc cung cấp thông tin chia theo các nội dung:

STT	Phiền toái trong việc cung cấp thông tin	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Thời gian trả lời hoặc tự điền phiếu dài	30	19,1
2	Thời gian hồi tưởng quá xa so với thời ...	20	13,1
3	Thời điểm phỏng vấn không phù hợp	12	7,8
4	Nội dung thông tin cung cấp nhiều	30	19,1
5	Nội dung câu hỏi trong phiếu khó hiểu	18	11,8
6	Thông tin cung cấp trùng lặp giữa một số...	13	8,5
7	Sợ lộ thông tin cá nhân	27	17,6
8	Thái độ của điều tra viên chưa phù hợp	1	0,7
9	Phiền toái khác (một số chỉ tiêu còn thiếu trong quản lý, có song sinh không điền được...)	2	1,3
Tổng số		153	100

9. Cung cấp thông tin có ý nghĩa quan trọng đến hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ người dân tốt hơn.

Trong 511 người được hỏi cho thấy có 485 người, chiếm 94,9% đã nhận thức việc cung cấp thông tin thống kê có ý nghĩa quan trọng đến hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ người dân tốt hơn.

Bảng 9. Tỷ lệ nhận thức về mục đích cung cấp thông tin thống kê

STT	Ý kiến	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Có	485	94,9
2	Không	26	5,1
Tổng số		511	100

10. Các văn bản quy định về quyền và nghĩa vụ của đối tượng cung cấp thông tin cho cơ quan thống kê nhà nước.

Kết quả trong Bảng 10 cho thấy có 348 người, chiếm 68,1% có biết về các quy định quyền và nghĩa vụ đối với người cung cấp thông tin. Tuy nhiên, có đến 163 người, chiếm 31,9% chưa biết đến quy định này. Vì vậy, cần tăng cường tuyên truyền quyền và nghĩa vụ của người cung cấp thông tin nhằm nêu cao tinh thần trách nhiệm.

Bảng 10. Tỷ lệ người hiểu biết các văn bản quy định về quyền và nghĩa vụ của người cung cấp thông tin

STT	Ý kiến	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Có	348	68,1
2	Không	163	31,9
Tổng số		511	100

11. Các văn bản quy định về bảo mật thông tin cung cấp cho cơ quan thống kê nhà nước

Kết quả trong Bảng 11 cho thấy có 335 người, chiếm 65,6% có biết quy định về bảo mật thông tin cung cấp cho cơ quan thống kê nhà nước. Tuy nhiên, có đến 176 người, chiếm 34,4% chưa biết đến quy định này. Vì vậy, cần tăng cường tuyên truyền các quy định về bảo mật thông tin để người cung cấp biết và yên tâm.

Bảng 11. Tỷ lệ người hiểu biết các văn bản quy định về Bảo mật thông tin cho người cung cấp thông tin

STT	Ý kiến	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Có	335	65,6
2	Không	176	34,4
Tổng số		511	100

12. Tin tưởng vào cơ quan thống kê nhà nước trong việc bảo mật các thông tin cung cấp

Kết quả trong Bảng 12 cho thấy có 491 người, chiếm 96,1% tin tưởng cơ quan thống kê nhà nước bảo mật thông tin do họ cung cấp. Chỉ có 20 người, chiếm 3,9% là không tin tưởng. Tuy một số người chưa biết đến các văn bản quy định về bảo mật thông tin nhưng họ vẫn tin tưởng vào cơ quan thống kê nhà nước.

Bảng 12. Tỷ lệ người tin tưởng vào cơ quan thống kê trong việc bảo mật các thông tin cung cấp

STT	Ý kiến	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Có	491	96,1
2	Không	20	3,9
Tổng số		511	100

Trong số 20 người không tin tưởng có 16 người đã trả lời lý do không tin cơ quan thống kê nhà nước giữ bảo mật, cụ thể:

- Không có độ bảo mật cao. Người quản lý có thể cho dữ liệu nếu có đề nghị hoặc yêu cầu
- Không biết văn bản cụ thể nào quy định bảo mật thông tin đã cung cấp
- Chưa nắm bắt được thông tin, qui định của nhà nước
- Tôi không hiểu về cách quản lý của cơ quan nhà nước
- Sợ thông tin bị đưa lên mạng
- Vì không rõ cơ chế bảo mật thông tin của cơ quan thống kê.
- Do tâm lý của người cung cấp thông tin lo sợ thông tin không được bảo mật
- Điều tra viên thống kê chưa ý thức được công tác bảo mật thông tin là quan trọng
- Phương thức thu phiếu; cách thức bảo mật
- Không am hiểu về luật nên không tin
- Bảo mật mức độ thấp, công nghệ kém
- Chưa biết văn bản nào quy định xử phạt người làm lộ thông tin
- Thông tin thống kê chia sẻ cho nhiều ngành
- Cảm nhận
- Kiểu trả lời thì trả lời có biết mục đích làm gì

13. Những mong muốn cơ quan thống kê nhà nước thay đổi thuận lợi hơn cho người cung cấp thông tin.

Có 511 câu trả lời

- Câu hỏi đơn giản, dễ hiểu hơn cho người cung cấp thông tin
- **Nhóm câu trả lời mong muốn áp dụng công nghệ thông tin (điện tử) để điều tra, sử dụng các thiết bị điện tử để điều tra, phỏng vấn:** Có 97 người đề

xuất mong muốn đổi mới chuyên đổi số trong việc cung cấp thông tin; áp dụng công nghệ điện tử vào việc thu thập dữ liệu thống kê thay vì ghi chép bằng giấy, sử dụng điều tra online, sử dụng phiếu trên trang Websise, hạn chế phiếu giấy.

- **Nhóm mong muốn phiếu hỏi ngắn gọn hơn:** Có 71 ý kiến mong muốn bảng hỏi ngắn gọn hơn, thuận tiện hơn, súc tích, dễ hiểu, trọng tâm, dễ tiếp cận, giảm bớt chỉ tiêu thu thập, giảm thời gian phỏng vấn, nhiều câu không hỏi tương được, thông tin cung cấp nên dạng đóng, tích.

- **Nhóm mong muốn bảo mật thông tin cung cấp:** Có 7 ý kiến về mong muốn được bảo mật thông tin như có chính sách, quy định rõ về bảo mật thông tin, cam kết bảo mật, chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, ảnh hưởng uy tín.

- **Nhóm mong muốn tuyên truyền về mục đích cung cấp:** Có 38 ý kiến mong muốn tăng cường tuyên truyền mục đích rõ ràng của điều tra trên Web, mở rộng nhiều kênh tuyên truyền, để dễ tiếp cận được mục đích của điều tra; cung cấp văn bản liên quan đến quyền lợi và trách nhiệm của người cung cấp thông tin; khi điều tra viên đến ngoài việc hỏi, phỏng vấn nên cho biết, nói rõ mục đích của cuộc điều tra; biết trước nội dung, mục đích để chuẩn bị cung cấp thông tin tốt hơn; điều tra Doanh nghiệp giúp ban hành chính sách hỗ trợ Doanh nghiệp tốt hơn; có lợi ích gì khi cung cấp; chưa thấy lợi ích khi cung cấp thông tin; có văn bản đến xã, phường về mục đích cuộc điều tra; hướng dẫn chi tiết các thông tin cung cấp.

- **Nhóm không có mong muốn gì:** Có 40 người chưa có mong muốn gì khác

- **Nhóm đánh giá hiện tốt rồi, tiếp tục phát huy như phiếu điện tử:** Có 9 ý kiến.

- **Hỗ trợ kinh phí:** 4 ý kiến.

- **Bảng hỏi chi tiết hơn, điều tra viên giải thích các câu hỏi:** 6 ý kiến

- **Công bố kết quả điều tra:** Có 18 ý kiến số liệu điều tra thường xuyên cập nhật lên Web, sớm công bố để theo dõi báo cáo tình hình kinh tế, xã hội, sử dụng, dễ khai thác.

- **Điều tra viên cần linh hoạt, phối hợp chặt chẽ, chuyên nghiệp hơn:** 3 ý kiến.

- **Cần nhiều thời gian để hoàn thành phiếu:** 7 ý kiến do nội dung phiếu nhiều, phiếu dài, cần thời gian hỏi tương.

- **Hạn chế 1 báo cáo phải báo cáo nhiều nơi; sử dụng dữ liệu hành chính; hạn chế điều tra Doanh nghiệp sử dụng thông tin từ cơ quan thuế; thông tin đã hỏi rồi không hỏi ở cuộc điều tra khác nữa:** 7 ý kiến.

- **Các ý kiến khác như:** Bố trí thời gian phù hợp không ảnh hưởng đến công việc; điều tra Doanh nghiệp và giữa tháng; ổn định phiếu lâu dài để thuận lợi cung cấp thông tin; có đường dây nóng để kịp thời giải đáp những vướng mắc của Doanh

ngành; thiết kế phiếu trên Web dễ hiểu để tự khai; Phiếu cần đa dạng sát với ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp.

- 5 ý kiến muốn trả lời qua điện thoại.

Tóm lại: Qua kết quả tham vấn người cung cấp cho thấy cần nâng cao công tác tuyên truyền hơn nữa về Luật Thống kê, tuyên truyền quyền và nghĩa vụ của người cung cấp thông tin và các văn bản quy định về bảo mật thông tin được cung cấp để người cung cấp thông tin yên tâm cung cấp thông tin đúng thực tế. Bên cạnh đó cần tăng cường tuyên truyền mục đích và lợi ích của các cuộc điều tra để người cung cấp biết, hiểu được mục đích và ý nghĩa khi cung cấp thông tin chính xác sẽ tác động tốt nhất đến chính sách; khi có kết quả cần thông báo lại cho người dân và Doanh nghiệp được quyền sử dụng hoặc biết về kết quả cuộc điều tra do họ cung cấp. Cuối cùng người cung cấp thông tin mong muốn cải tiến nội dung phiếu để giảm thời gian trả lời; cải tiến khâu thu thập thông tin qua phiếu điện tử, số hóa để giảm tải thời gian, thuận tiện cho người cung cấp; kết quả các cuộc điều tra được cung cấp, phổ biến kịp thời; đẩy mạnh khai thác hồ sơ hành chính, dữ liệu lớn để giảm tải gánh nặng cho người cung cấp thông tin./.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ